



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2**  
**HA TIEN 2 CEMENT JOINT STOCK COMPANY**

TT Kiên Lương, H Kiên Lương, T Kiên Giang

Điện thoại : 077.3853004 ; 3853235

Fax : 077.3853005; 3853 640

Website: [www.xmht2.com](http://www.xmht2.com) – Email: [xmht2@vnn.vn](mailto:xmht2@vnn.vn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Kiên Giang, ngày tháng 4 năm 2009*

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008**



I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
1.	Những sự kiện quan trọng của Công ty.....	5
2.	Quá trình phát triển.....	7
3.	Định hướng phát triển.....	10
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
1.	Kết quả hoạt động trong năm .....	10
3.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....	11
3.	Những thay đổi chủ yếu trong năm .....	12
4.	Triển vọng và kế hoạch trong tương lai .....	13
III.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	14
1.	Báo cáo tình hình tài chính.....	14
2.	Báo cáo kết quả hoạt động SXKD.....	19
3.	Những tiến bộ Công ty đã đạt được .....	23
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	25
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	27
V.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	43
1.	Kiểm toán độc lập.....	48
2.	Báo cáo của Ban kiểm soát .....	44
VI.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN.....	45
VII.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	46
1.	Cơ cấu tổ chức.....	46
2.	Ban Giám đốc .....	47
3.	Bổ nhiệm Ban điều hành trong năm .....	47
4.	Quyền lợi của Ban Giám đốc .....	47
5.	Số lượng nhân viên và chính sách đối với người lao động .....	47
6.	Thay đổi thành viên HĐQT.....	49
IX.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	49
1.	Hội đồng Quản trị.....	49
2.	Ban kiểm soát .....	50
3.	Kế toán trưởng.....	50
4.	Quyền lợi của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.....	50
5.	Dữ liệu thông kê cổ đông .....	51
X.	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	54
XI.	CÁC CHI NHÁNH .....	54
XII.	MẠNG LƯỚI CÁC NHÀ PHÂN PHỐI.....	54

## **KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG!**

Năm 2008 là năm ghi dấu ấn quan trọng của Công ty Xi măng Hà Tiên 2 chuyển từ DNNN sang Công ty Cổ phần. Đây cũng là năm nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng biến động mạnh, chứa đựng nhiều thách thức to lớn và những rủi ro khôn lường phải vượt qua nếu muốn tồn tại.

Trong bối cảnh đó, Bộ máy lãnh đạo và điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực để vượt qua, nhờ sự linh hoạt trong điều hành, chủ động bám sát diễn biến của thị trường để có các chiến lược kinh doanh hiệu quả. Bên cạnh đó, với truyền thống lao động sáng tạo, năm 2008 Công ty đã nghiên cứu và đưa vào áp dụng nhiều sáng kiến và đề tài khoa học công nghệ giúp giảm đáng kể giá thành sản phẩm. Trong năm, Công ty đã cấu trúc lại tổ chức, củng cố bộ máy và tinh gọn đầu mối để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đã cơ bản hoàn thiện hệ thống tiêu thụ sản phẩm cũng như mạng lưới các nhà phân phối. Nhờ những cố gắng đó kết quả đạt được trong năm qua rất khả quan:

Thị phần Xi măng Hà Tiên 2 luôn dẫn đầu thị trường ĐBSCL, đạt 28,7%. Trong bối cảnh nhu cầu toàn thị trường năm 2008 ở khu vực chỉ bằng 94% năm 2007, thị phần Xi măng Hà Tiên 2 vẫn tăng 2% so với năm 2007.

Kết thúc tài khóa năm 2008, Tổng doanh thu đạt 1.278,4 tỷ đồng (tính từ thời điểm CPH 01/02/2008, bao gồm cả doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác), tính cả năm 2008 là 1.382,5 tỷ đồng, tăng 26,8% so với năm 2007. Lợi nhuận sau thuế đạt 110,3 tỷ đồng (kể từ thời điểm CPH), tính cả năm 2008 là 118,2 tỷ, tốc độ gia tăng lợi nhuận nhanh hơn mức tăng trưởng doanh thu, tăng 112,6% so với năm trước. Gia tăng vốn chủ sở hữu lên 6,75% so với thời điểm cổ phần hóa, đạt mức 939,389 tỷ đồng (không tính quỹ khen thưởng, phúc lợi).

Về đầu tư phát triển, Công ty đã khánh thành dự án Dây chuyền nghiền than vào ngày 08/9/2008 giúp giảm đáng kể giá thành sản xuất, đưa dây chuyền đóng bao xi măng tại Trạm nghiền Long An vào hoạt động từ ngày 15/12/2008 tăng cung sản phẩm ra thị trường, đấu thầu thành công và thương thảo ký kết hợp đồng gói thầu chính thuộc dự án đầu tư dây chuyền mới HT2.2 với công suất thiết kế 1.260.000 tấn clinker và 600.000 tấn xi măng năm, cũng như thu xếp xong toàn bộ nguồn vốn cho các dự án. Hiện tại, ban Lãnh đạo Công ty cùng tập thể CB-CNV đang ngày đêm nỗ lực để sớm đưa toàn bộ dây chuyền nghiền xi măng tại Long An vào hoạt động và khởi công dây chuyền Hà Tiên 2.2 vào đầu tháng 4.

Trong những tháng đầu năm 2009 vừa qua, với nhiều cố gắng, cổ phiếu của Công ty với mã hiệu HT2 đã chính thức niêm yết và giao dịch tại sở GDCK Tp Hồ Chí Minh, hoàn tất bước cuối cùng của một DNNN cổ phần hóa để trở thành Công ty đại chúng. Thành công đó đã mở ra một cơ hội

mới cho Công ty, tăng khả năng huy động vốn cho đầu tư phát triển của Công ty, tăng tính thanh khoản cho các nhà đầu tư cũng như sẽ hoạt động trong một môi trường được công chúng luôn biết tới. Tuy nhiên, càng đòi hỏi sự nỗ lực cố gắng nhiều hơn nữa, sự tận tâm hơn nữa của bộ máy lãnh đạo điều hành và quản lý Công ty.

Dự báo năm 2009 tình hình kinh tế vĩ mô sẽ còn nhiều khó khăn, tuy nhiên thị trường xi măng tại ĐBSCL, thị trường chính của Công ty, vẫn có chiều hướng tốt tạo nhiều cơ hội phát triển cho Công ty xứng tầm với một thương hiệu Xi măng Hà Tiên có lịch sử 45 năm xây dựng và trưởng thành.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

***Lý Tân Huệ***

## I. Lịch sử hoạt động của Công ty

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2  
Tên tiếng Anh: HATIEN2 CEMENT JOINT STOCK COMPANY  
Tên giao dịch: HATIEN2.Co  
Mã chứng khoán: HT2  
Vốn điều lệ: 880.000.000.000 VNĐ (Tám trăm tám mươi tỷ đồng)  
Tương ứng với : 88.000.000 cổ phiếu phổ thông  
Trụ sở chính: Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.  
Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 28/02/2008.

### 1. Những sự kiện quan trọng của Công ty

#### Thành lập Công ty

Nhà máy xi măng Hà Tiên nằm trong kế hoạch phát triển công nghệ sản xuất xi măng của chính quyền miền Nam vào những năm cuối thập kỷ 50 thế kỷ XX. Nhà máy Kiên Lương - Nhà máy xi măng Hà Tiên là tên gọi trước ngày 30/4/1975, được khởi công xây dựng ngày 15/4/1961 và được khánh thành vào ngày 21/3/1964. Sau ngày 30/04/1975, Ủy ban quân quản tỉnh Long - Châu - Hà cử đại diện các cấp từ tỉnh đến thị tứ tiếp quản nhà máy.

Đến ngày 12/5/1975, Ban quân quản tiến hành chuyển giao quyền quản lý nhà máy cho Cục Cầu đường miền tây Nam bộ. Sau 1 tháng, nhà máy được chuyển giao cho Tổng Công ty Xây dựng số 1. Nhà máy được đổi tên là Nhà máy xi măng Kiên Lương với sản phẩm clinker. Ngày 26/6/1976 Bộ Xây dựng có công văn số 1349-BXD/KH-VL trình Thủ tướng Chính phủ việc tiếp tục nghiên cứu, thiết kế xây dựng Nhà máy xi măng Hà Tiên mở rộng, nội dung chính như sau:

Tại Kiên Lương: Xây dựng dây chuyền nung clinker phương pháp khô công suất 900.000 tấn/năm và một dây chuyền sản xuất xi măng thành phẩm công suất 500.000 tấn/năm.

Tại Thủ Đức: Xây dựng mở rộng một trạm nghiền xi măng công suất 500.000 tấn/năm bên cạnh dây chuyền đã có.

Tại Cần Thơ: Xây dựng kho trung chuyển kiêm phân phối xi măng 300.000 tấn/năm.

Thiết kế kỹ thuật với thiết bị công nghệ do hãng POLYSIUS cung cấp theo hợp đồng số 1262 ngày 15/3/1977. Các hạng mục khác do Việt Nam thiết kế, xây dựng.

Ngày 13/4/1981, Bộ Xây dựng có quyết định số 555/BXD - TCCB phân chia Nhà máy xi măng Hà Tiên thành 2 đơn vị trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp xi măng là Nhà máy xi măng Thủ Đức (bao gồm các xưởng ở Thủ Đức và đoàn vận tải thủy) và Nhà máy xi măng Kiên Lương.

Ngày 08/03/1983, Bộ Trưởng Bộ Xây dựng có quyết định số 322/BXD-TCCB về việc thành lập Nhà máy Liên hợp Xi măng Hà Tiên trên cơ sở hợp nhất Nhà máy xi măng Kiên Lương, Nhà máy xi măng Thủ Đức và Ban Quản lý công trình Xi măng Hà Tiên.

Ngày 18/01/1991, dây chuyền nung clinker phương pháp khô tại Kiên Lương được khánh thành và đi vào sản xuất.

Ngày 22/10/1992, dự án sản xuất xi măng thành phẩm công suất 500.000 tấn/năm kết thúc giai đoạn sản xuất thử và khánh thành.

Đến ngày 03/12/1992, Bộ Trưởng Bộ Xây dựng có Quyết định số 577/BXD-TCLĐ về việc thành lập Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 trên cơ sở tách Nhà máy Liên hợp xi măng Hà Tiên thành 2 nhà máy xi măng là Nhà máy xi măng Hà Tiên I tại Thủ Đức (Thành phố Hồ Chí Minh) và Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 tại Kiên Lương (Kiên Giang).

Đến ngày 12/3/1993 Bộ Xây dựng ra quyết định số 063A/BXD-TCLĐ thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 trực thuộc Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

Thực hiện Luật Doanh nghiệp Nhà nước, tăng cường quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo chủ trương của Nhà nước, ngày 30/9/1993 Bộ Xây dựng ra quyết định số 443/BXD- TCLĐ, đổi tên Nhà máy xi măng Hà Tiên 2 thành Công ty Xi măng Hà Tiên 2.

#### **Quá trình Cổ phần hóa Công ty giai đoạn 2007-2008**

Thực hiện đề án sắp xếp đổi mới DNNN thuộc Tổng Công ty XM Việt Nam theo Quyết định số 86/2005/QĐ-TTg ngày 22/4/2005 và Quyết định số 367/QĐ-BXD ngày 09/3/2007 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc cổ phần hóa Công ty XM Hà Tiên 2. Công ty đã xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h00 ngày 01/01/2007, được Bộ Xây dựng phê duyệt tại QĐ số 865/QĐ-BXD ngày 11/6/2007 với giá trị phần vốn Nhà nước là 875,497 tỷ đồng. Công ty đã lập Phương án cổ phần hóa và được HĐQT Tổng Công ty phê duyệt tại QĐ số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/8/2007.

Công ty đã tổ chức thành công việc bán đấu giá cổ phần phát hành lần đầu tại Sở GDCK Tp HCM vào ngày 09/10/2007, với giá đấu thành công bình quân là 26.242 đồng/cổ phiếu, số lượng cổ đông là 1.895 người (chưa bao gồm cổ đông Nhà nước), tổng số lượng cổ phần do cổ đông bên ngoài nắm giữ là 27.125.049 cổ phần chiếm 31% vốn điều lệ, tổng số cổ phần do cổ đông Nhà nước nắm giữ là 60.874.951 cổ phần chiếm 69% vốn điều lệ.

Ngày 14/01/2008, HĐQT Tổng Công ty XM Việt Nam đã ra QĐ số 25/QĐ-XMVN chuyển Công ty XM Hà Tiên 2 thành Công ty Cổ phần. Công ty đã tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 21/01/2008. Công ty Xi măng Hà Tiên 2 chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 01/02/2008.

## **Niên yết năm 2009**

Ngày 06 tháng 03 năm 2009 Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận niên yết số 17/QĐ-SGDHCM cho Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

✓ Mã chứng khoán:	HT2
✓ Loại cổ phiếu niêm yết:	Cổ phiếu thường
✓ Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
✓ Số lượng cổ phiếu niêm yết:	88.000.000 cổ phiếu
✓ Giá niêm yết:	16.000 đồng/cổ phiếu
✓ Ngày giao dịch đầu tiên:	26/03/2009

## **2. Quá trình phát triển**

### **a. Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Sản xuất xi măng; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- ✓ Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa; Vận tải hàng hoá ven biển;
- ✓ Bán buôn xi măng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện: máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện; Sửa chữa máy móc, thiết bị.

### **b. Tình hình hoạt động**

#### **Các sản phẩm của Công ty**

- ✓ Clinker CPC50, clinker bèn sulfat và clinker theo yêu cầu của khách hàng.
- ✓ Xi măng PCB40: chủ yếu được dùng cho các công trình dân dụng. Xi măng hỗn hợp PCB40 có đặc tính xây tô vượt trội hơn các sản phẩm khác cùng loại (vữa xây tô có độ dẻo cao) nên được khách hàng ưa thích lựa chọn.
- ✓ Xi măng MS-PCB40 (xi măng bèn sulfat phù hợp theo tiêu chuẩn ASTM C1157-type MS- moderate sulfate resistance): là loại xi măng bèn sulfat được dùng cho các công trình có môi trường nhiễm phèn, nhiễm mặn, chống xâm thực.
- ✓ Xi măng xá và jumbo: dùng cho các công trình công nghiệp có qui mô lớn. Hướng phát triển tại các vùng trung tâm như: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Cần Thơ, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch Giá...
- ✓ Ngoài ra, Hà Tiên 2 còn sản xuất các loại xi măng tùy theo yêu cầu của khách hàng.



## XI MĂNG HÀ TIÊN 2 DIỆN MẠO MỚI - SỨC MẠNH MỚI

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 tự hào là đơn vị thành viên của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam - VICEM. Với vị thế và diện mạo mới, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 sẽ các thành viên của VICEM với công nghệ tiên tiến nhất, sẵn sàng phục vụ những sản phẩm mới.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM



### Xi măng PC B40 VÀ PC<sub>HS</sub>40



Clinker CPC 50

### Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới do phòng Kỹ thuật sản xuất thực hiện trên cơ sở nhu cầu thị trường về chủng loại sản phẩm, khả năng tiêu thụ do bộ phận nghiên cứu thị trường đề xuất. Công tác nghiên cứu được tiến hành theo kế hoạch như nghiên cứu tính năng, công dụng, tiêu chuẩn sản phẩm phải phù hợp chế định và luật pháp và các điều kiện sản xuất của Công ty. Sau khi nghiên cứu sản phẩm đáp ứng được các yêu cầu, Công ty lập các thủ tục triển khai theo tiến trình của TCVN ISO 9001-2000.

Trong các năm qua, Hà Tiên 2 đã nghiên cứu sản xuất được các loại xi măng đặc biệt như:

- ✓ Năm 2004: xi măng bền sulfate thường và cao – PCS, PCHS theo TCVN 6067-1995;
- ✓ Năm 2005: xi măng bền sulfate – type II (moderate sulfate resistance), và type V (high sulfate resistance) theo ASTM C150-2002;
- ✓ Năm 2007: xi măng bền sulfate – type MS (moderate sulfate resistance) theo ASTM C1157-2002; và xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sulfate – MS-PCB40 theo ASTM C1157-2002-type MS (moderate sulfate resistance) và TCVN 6260-1997;



### **c. Các thành tích đạt được trong quá trình phát triển**

- ✓ Nằm trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008.
- ✓ Đạt giải thưởng chất lượng Việt Nam 2008 do Trung tâm tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam tổ chức bình chọn.
- ✓ Giải thưởng Cúp vàng chất lượng Topten Thương hiệu Việt 2007-2008.
- ✓ Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao từ 2001-2008 do Báo Sài Gòn Tiếp thị bình chọn.
- ✓ Năm 2008, Tổng Công ty CN XM Việt Nam tặng bằng khen về thành tích “xanh sạch đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”
- ✓ Năm 2008, Bộ Xây dựng tặng bằng chứng nhận đơn vị “ tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc của Công nhân viên chức ngành xây dựng”
- ✓ Cờ thưởng của Thủ tướng Chính phủ tặng đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua 2007.
- ✓ Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam tặng bằng khen về thành tích công tác Khoa học Công nghệ năm 2006-2007.
- ✓ Năm 2006 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua thành tích 5 năm thực hiện luật phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Năm 2005 được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động về thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào lao động sáng tạo thời kỳ đổi mới (1996-2005);
- ✓ Năm 2004 được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và phong trào thi đua năm 2004;
- ✓ Năm 2003 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất; Bộ Xây dựng tặng Huy chương vàng chất lượng cao.
- ✓ Năm 2002 được Tổng Liên đoàn Lao Động Việt Nam tặng bằng khen thành tích xuất sắc phong trào xanh sạch đẹp đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.
- ✓ Năm 2001 được Bộ Lao động Thương binh Xã hội tặng bằng khen phong trào đền ơn đáp nghĩa; Bộ Xây dựng tặng cờ thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2001.
- ✓ Năm 2000 tập thể Cán bộ công nhân viên Phân xưởng Sản xuất chính được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.
- ✓ Ngày 16/12/1993 Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì cho tập thể CBCNV Công ty Xi măng Hà Tiên 2.
- ✓ Ngày 22/3/1990 Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng ba cho tập thể CBCNV nhà máy xi măng Kiên Lương.

### **3. Định hướng phát triển**

Định hướng của Hà Tiên 2 trong tương lai sẽ tiếp tục nhanh chóng gia tăng sản lượng clinker, xi măng thông qua đầu tư mới và thuê ngoài.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm, Hà Tiên 2 sẽ có chính sách cụ thể nhằm tạo sự gắn kết giữa Công ty với các nhà phân phối đảm bảo lợi ích của các bên, phục vụ được tốt nhất cho việc phân phối sản phẩm của Công ty đi khắp khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, mở rộng thị trường tới địa bàn Phú Quốc. Đồng thời, chọn lựa nhà phân phối ở các vùng mới: Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Tây Ninh và một số tỉnh lân cận để chuẩn bị thị trường cho Trạm nghiền Long An và dây chuyền mới Hà Tiên 2.2 hoạt động trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Công ty còn mở rộng phát triển thị phần xuất khẩu sản phẩm sang nước bạn Campuchia. Triển khai việc cung cấp sản phẩm xi măng rời công nghiệp tới các trạm trộn beton và các nhà thầu xây dựng lớn.

Phát triển các ngành nghề khác: cung cấp nước sạch, sản xuất và cung ứng sản phẩm sau xi măng, gạch ngói xây dựng không nung...

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

Năm 2008 là năm tình hình kinh tế vĩ mô trong nước nói riêng và toàn thế giới nói chung diễn biến phức tạp từ trạng thái phát triển quá nóng, lạm phát tăng cao chuyển sang khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Lạm phát tăng cao kéo dài từ những tháng đầu năm đến cuối quý 3, CPI đã lên đến đỉnh điểm trong tháng 8 (28,4%). Chính sách thắt chặt tiền tệ của Ngân hàng nhà nước đã làm cho lượng tiền lưu thông bị rút bớt và sức cầu của nền kinh tế đang giảm mạnh. Mức bán lẻ của nền kinh tế đã sụt giảm mạnh trong quý 3. Quý 4 lạm phát bắt đầu giảm và có dấu hiệu của sự suy thoái kinh tế, sức mua liên tục suy giảm.

Ngay sau đó thị trường tài chính toàn cầu rơi vào khủng hoảng, tỷ lệ nợ xấu gia tăng và chi phí huy động vốn ở mức rất cao. Lãi suất cho vay xấp xỉ 20%/năm. Doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về huy động vốn đặc biệt là các chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng. Thị trường bất động sản vẫn tiếp tục ảm đạm, các công trình đầu tư bị giãn tiến độ hoặc đình trệ, hầu hết không có các công trình đầu tư mới được khởi công.

#### **Thị trường xi măng trong năm 2008**

Thị trường xi măng trong năm 2008 diễn biến phức tạp. Trong những tháng đầu năm lượng tiêu thụ trầm lắng, đến cuối quý I/2008 thị trường bắt đầu có dấu hiệu tăng trưởng trở lại, bắt đầu từ tháng 3 là tháng cao điểm của mùa xây dựng, đặc biệt là khu vực phía Nam. Trong khi đó giá clinker tăng cao và nguồn cung hạn chế nên một số trạm nghiền khu vực phía Nam chỉ sản xuất cầm chừng. Điều này dẫn đến nguồn cung xi măng phía Nam thiếu hụt và không đáp ứng được cầu đã đẩy giá tăng cao. Hầu hết các nhãn hiệu đều tăng giá từ 10.000 – 40.000 đồng/tấn trong trong đầu quý I/2008 có một số nhãn hiệu còn tăng giá bán từ

70.000 – 90.000 đồng/tấn. Tuy nhiên, tổng sản lượng tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm không tăng nhiều so với năm trước.

Trong 6 tháng cuối năm, cầu về xi măng giảm dần bởi sự tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô cũng như tác động của sự suy thoái kinh tế thế giới đã làm cho tốc độ xây dựng giảm đáng kể so với những tháng đầu năm. Với sự tăng trưởng và mở rộng quy mô tại các nhà máy, trạm nghiền đã làm cho nguồn cung xi măng dồi dào. Sự cạnh tranh giữa các thương hiệu lớn ngày càng tăng cao do kết quả từ sự bùng nổ về các chương trình khuyến mại và hỗ trợ cho khách hàng trong ngắn hạn như chiết khấu hàng tháng, khuyến mại trực tiếp cho cửa hàng..., và trong dài hạn như hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ vận chuyển, du lịch, tích lũy lượng... để tăng lượng tiêu thụ và giành thị phần.

Tổng sản lượng xi măng sản xuất và tiêu thụ toàn xã hội của năm 2008 là khoảng 36,5 triệu tấn, tăng 9,6% so với năm 2007. Trong đó sản lượng tiêu thụ xi măng tại thị trường khu vực Đồng bằng sông Cửu long năm 2008 chỉ đạt 3.920.666 tấn, giảm so với năm 2007, tương đương 94% (năm 2007 là 4.200.767 tấn). Trong bối cảnh chung có nhiều khó khăn thách thức, HĐQT Công ty đã nỗ lực để vượt qua và đạt được những kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty rất khả quan.

Kết thúc tài khóa năm 2008, Tổng doanh thu đạt 1.278,4 tỷ đồng (tính từ thời điểm CPH 01/02/2008, bao gồm cả doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác), tính cả năm 2008 là 1.382,5 tỷ đồng, tăng 26,8% so với năm 2007. Lợi nhuận sau thuế đạt 110,3 tỷ đồng (kể từ thời điểm CPH), tính cả năm 2008 là 118,2 tỷ, tốc độ gia tăng lợi nhuận nhanh hơn mức tăng trưởng doanh thu, tăng 112,6% so với năm trước. Gia tăng vốn chủ sở hữu lên 6,75% so với thời điểm cổ phần hóa, đạt mức 939,389 tỷ đồng (không tính quỹ khen thưởng, phúc lợi).

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Kế hoạch 11 tháng năm 2008	Thực hiện tháng 01/2008	Thực hiện 11 tháng 2008	Thực hiện 12 tháng 2008	Thực hiện 11Th 2008/ Kế hoạch 11Th2008	TH 2008/ TH 2007
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.074,90	1.359,10	103,1	1.258,90	1.362	92,63%	126,71%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	77,1	125,5	10,9	162,5	173,4	129,48%	224,90%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	55,6	90,3	7,9	110,3	118,2	122,15%	212,59%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	/	975	/	1.254	1.254	128,62%	/

Trong 11 tháng năm 2008, Công ty chỉ thực hiện được 93% kế hoạch doanh thu thuần là do trạm nghiền Long An chưa cho ra sản phẩm xi măng theo kế hoạch vì chịu ảnh hưởng của biến động giá xây dựng làm chậm tiến độ thi công. Trong khi đó, lợi nhuận năm 2008 đã tăng vượt bậc nhờ những cải tiến kỹ thuật sản xuất và có chiến lược dự trữ nguyên vật liệu hợp lý trong điều kiện biến động giá nhằm giảm chi phí giá vốn trong sản xuất, lợi nhuận sau thuế 11 tháng năm 2008 tăng 22,15% so với kế hoạch.

### **3. Những thay đổi chủ yếu trong năm**

#### **🚧 Đầu tư phát triển**

Năm 2008, Công ty đã thực hiện công tác đầu tư đạt giá trị 305,689 tỷ đồng, khánh thành dự án Dây chuyền nghiền than vào ngày 08/9/2008, đưa dây chuyền đóng bao xi măng tại Trạm nghiền Long An vào hoạt động từ ngày 15/12/2008, đấu thầu thành công và thương thảo ký kết hợp đồng gói thầu chính thuộc dự án đầu tư dây chuyền mới HT2.2 với công suất thiết kế 1.260.000 tấn clinker và 600.000 tấn xi măng năm. Thu xếp xong toàn bộ nguồn vốn cho các dự án đầu tư.

#### **🚧 Chiến lược kinh doanh, thị trường mới**

Công ty đã phát triển hệ thống Nhà phân phối và đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm tới các tỉnh miền Đông Nam bộ và Tp Hồ Chí Minh.

#### **🚧 Những vấn đề Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2008**

##### **Cuộc họp ngày 18 tháng 04 năm 2008**

- ✓ Thông qua các Quy chế quản lý áp dụng trong Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2.
- ✓ Thông qua ngân sách hoạt động cho năm 2008
- ✓ Phê duyệt đề án tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý.
- ✓ Thông qua kế hoạch niêm yết chứng khoán trên sở GDCK Tp Hồ Chí Minh
- ✓ Thông qua báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 1/2008

##### **Cuộc họp ngày 01 tháng 08 năm 2008**

- ✓ Chấp thuận cho ông Ngô Chí Nhân thôi giữ chức thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2.
- ✓ HĐQT nhất trí bổ nhiệm ông Phạm Văn Thông Phó Giám đốc công ty, tham gia HĐQT Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2.
- ✓ Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của các chi nhánh của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2.

##### **Cuộc họp ngày 14 tháng 11 năm 2008**

- ✓ Thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2008.
- ✓ Thông qua định hướng ngân sách năm 2009. Giao cho Giám đốc Công ty xây dựng ngân sách năm 2009.
- ✓ Sửa đổi bổ sung quy chế chia lương theo sản phẩm Công ty CP XM Hà Tiên 2.

##### **Nghị quyết luân chuyển của HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2008**

- ✓ Phê duyệt tạm ứng chi cổ tức đợt 1 năm 2008 theo tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ 880 tỷ đồng.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

##### **Triển vọng thị trường 2009 và các năm tới**

Trong năm 2009 dự kiến tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng có phần tăng trưởng cao hơn, theo như báo cáo của Bộ xây dựng ngày 22/12 trình Thủ tướng Chính phủ về cân đối cung cầu và các giải pháp bình ổn thị trường, kích cầu xi măng năm 2009. Dự kiến lượng tiêu thụ xi măng năm 2009 khoảng 44-45,5 triệu tấn, tăng 10 – 11,5% so với năm 2008.

Năm 2009, dự kiến trên cả nước sẽ có 18 dự án xi măng hoàn thành và đưa vào sản xuất với tổng công suất 20,47 triệu tấn. Đến cuối năm 2009, tổng công suất các nhà máy xi măng trên toàn quốc dự tính đạt khoảng 60 triệu tấn, khả năng huy động công suất thực tế khoảng 45-46 triệu tấn, đáp ứng vượt nhu cầu tiêu thụ của toàn xã hội. Tuy nhiên, tình trạng thừa nguồn chủ yếu ở miền Bắc. Trong khi đó ở miền Nam vẫn thiếu nguồn, đặc biệt trong quý II/2009.

Công ty tập trung vào thị trường xi măng bao tại miền Nam, thị trường clinker tại khu vực Kiên Giang và thị trường xi măng rời công nghiệp tại một số đô thị lớn tại ĐBSCL.

##### **Mục tiêu trong năm 2009**

Doanh thu thuần của Công ty dự kiến đạt 1.982 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 146 tỷ đồng tương ứng tăng 45,5% về doanh thu và 23,5% về lợi nhuận so với năm 2008.

Phấn đấu tiêu thụ 1,6 triệu tấn xi măng, tổng sản phẩm tiêu thụ vượt 1,84 triệu tấn, Để đạt được mục tiêu Hà Tiên 2 tranh thủ tiêu thụ trong mùa khô khoảng từ tháng 4 đến tháng 7, đồng thời nỗ lực tối đa để sớm đưa toàn bộ dây chuyền nghiền đóng bao xi măng tại Long An vào hoạt động trong tháng 4/2009.

Đầu tháng 4/2008 Công ty khởi công xây dựng dây chuyền Hà Tiên 2.2, dự kiến đi vào hoạt động đầu năm 2011.

### III. Báo cáo của Ban giám đốc

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	01/01 (*) Năm 2007	31/12 Năm 2007	31/12 Năm 2008
Tài sản ngắn hạn	493.569	964.067	939.303
Tài sản dài hạn	629.792	659.346	1.025.193
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.123.361</b>	<b>1.623.413</b>	<b>1.964.496</b>
Nợ phải trả	247.866	687.768	1.016.773
Nguồn vốn chủ sở hữu	875.495	935.645	947.723
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.123.361</b>	<b>1.623.413</b>	<b>1.964.496</b>

(\*) Đánh giá lại tài sản

##### Lưu chuyển tiền tệ qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Nội dung	Năm 2006	Năm 2007	Từ 01/02/08 Đến 31/12/08
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-54.733	-12.992	128.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-27.205	-15.601	-393.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	48.719	94.590	154.217
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-33.219	65.996	-111.170

Trong năm 2008 Hà Tiên 2 đã tập trung đầu tư vào dự án mới tại Long An, mua sắm tài sản cố định khác phục vụ cho nhà máy hiện tại khoảng 410 tỷ đồng so với 16 tỷ đồng trong năm 2007. Đây là giai đoạn Công ty tập trung nguồn lực cho việc phát triển mở rộng nâng cao công suất và sản lượng sản phẩm cung ứng ra thị trường.

##### CƠ CẤU DOANH THU THUẦN QUA CÁC NĂM

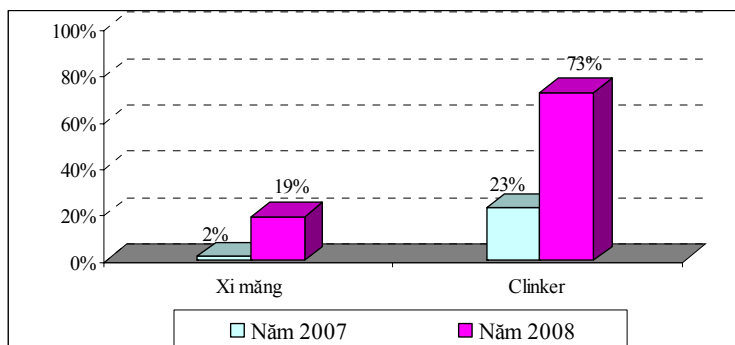
Đơn vị tính : Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Từ 01/01/2008 đến 31/01/2008		Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	907.049	88,01%	921.397	85,64%	81.449	79,01%	1.014.093	80,55%	1.095.542	80,44%
Clinker	120.603	11,74%	148.060	13,77%	20.918	20,29%	234.498	18,63%	255.416	18,75%
Dịch vụ khác	782	0,08%	4.343	0,40%	591	0,57%	6.766	0,54%	7.357	0,54%
Hàng hóa khác	1.819	0,18%	1.987	0,18%	130	0,13%	3.540	0,28%	3.670	0,27%
<b>Tổng (**)</b>	<b>1.030.253</b>	<b>100%</b>	<b>1.075.787</b>	<b>100%</b>	<b>103.088</b>	<b>100%</b>	<b>1.258.897</b>	<b>100%</b>	<b>1.361.985</b>	<b>100%</b>

Ghi chú: (\*) Hà Tiên 2 chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/02/2008.

Doanh thu Công ty thực hiện liên tục tăng trưởng qua các năm. Tuy sản lượng tiêu thụ trong năm 2008 không tăng nhiều so với năm 2007 nhưng tổng giá trị doanh thu thực hiện năm 2008 (kể cả tháng 01 năm 2008) tăng đến 26,7% một phần là do năm 2008 thị trường xi măng có nhiều biến động làm cho giá bán xi măng được điều chỉnh tăng lên mặt bằng mới. Việc thay đổi lãi suất tiền gửi ngân hàng cũng đã mang lại cho Công ty 16,8 tỷ đồng doanh thu tiền gửi.

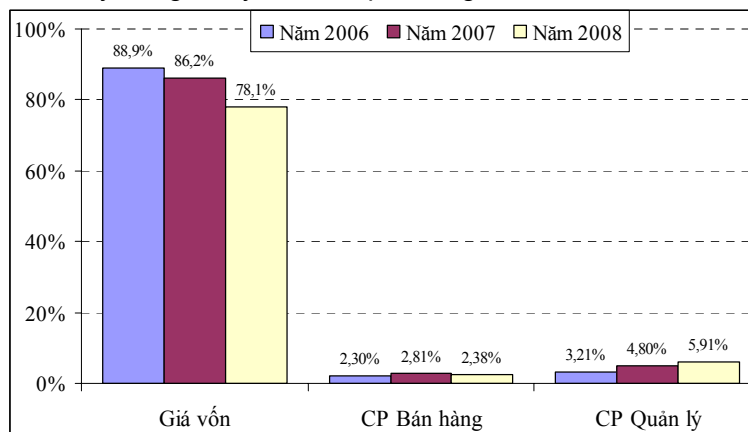
Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần Xi măng, Clinker



CƠ CẤU CHI PHÍ QUA CÁC NĂM (Triệu đồng)

Khoản mục chi phí	Năm 2006		Năm 2007		Tháng 1/2008	11 tháng 2008	Năm 2008	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ			Số tiền	Tỷ lệ
Giá vốn hàng bán	915.464	93,90%	926.918	91,60%	83.652	980.666	1.064.318	88,02%
Chi phí bán hàng	23.676	2,40%	30.179	3,00%	1.591	30.803	32.394	2,68%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.039	3,40%	51.597	5,10%	7.773	72.669	80.442	6,65%
Chi phí tài chính	2.253	0,20%	3.364	0,30%	200	31.761	31.961	2,64%
Chi phí khác	224	0,00%	311	0,00%	0	41	42	0,00%
<b>Tổng</b>	<b>974.656</b>	<b>100%</b>	<b>1.012.369</b>	<b>100%</b>	<b>93.215</b>	<b>1.115.942</b>	<b>1.209.156</b>	<b>100%</b>

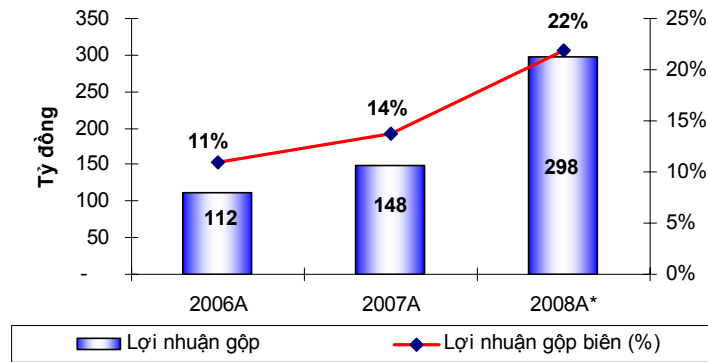
Tỷ trọng các yếu tố chi phí trong Doanh thu thuần



Tỷ trọng Giá vốn trong Doanh thu liên tục giảm qua các năm do có sự tiến bộ trong công tác quản lý, việc cải tiến kỹ thuật và áp dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất.

Chi phí quản lý tăng là do Công ty hiện đang trong thời kỳ Đầu tư phát triển và nâng cấp bộ máy quản lý.

### LỢI NHUẬN GỘP



\* Số liệu năm 2008 được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2008 đến 31 tháng 12 năm 2008

Lợi nhuận sau thuế trong năm 2008 đạt 118,20 tỷ đồng, tăng 26,3% so với kế hoạch ngân sách năm 2008, tỷ trọng Chi phí giá vốn trong Doanh thu năm 2008 giảm hơn 8% so với năm 2007, một phần do Công ty nghiên cứu và đưa thêm phụ gia vào khâu nghiền xi măng làm giảm trung bình khoảng 0,033 tấn clinker/tấn xi măng, Công ty đã chủ động chuyển sang đốt than thay dầu góp phần giảm chi phí nhiên liệu xuống chỉ bằng 25% so với đốt dầu. Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động bám sát diễn biến giá cả đầu vào trên thị trường thực hiện dự trữ lượng dầu, than đáng kể vào đầu năm khi giá ở mức thấp, mua vào vừa đủ dùng cho sản xuất khi giá giảm dần vào quý 4.

Tỷ lệ lợi nhuận gộp của Công ty tăng lên qua các năm, cụ thể trong năm 2007 chỉ đạt được 14% sang qua năm 2008 đã tăng lên 22%.

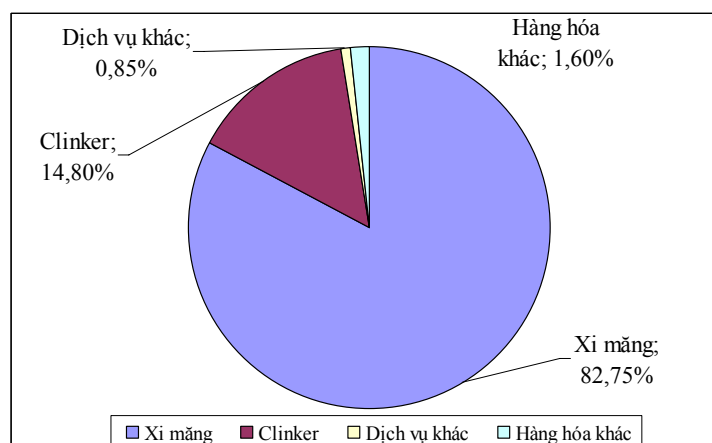
### Cơ cấu lợi nhuận từ các lĩnh vực hoạt động chính

Đơn vị tính : Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Từ 01/01/2008 đến 31/01/2008		Từ 01/02/2008 (*) đến 31/12/2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Xi măng	74.746	106,19%	64.614	84,98%	7.655	70,14%	142.754	82,75%
Clinker	-674	-0,96%	9.235	12,15%	2.965	27,17%	25.525	14,80%
Dịch vụ khác	636	0,90%	909	1,20%	189	1,73%	1.470	0,85%
Hàng hóa khác	-4.321	-6,14%	1.277	1,68%	105	0,96%	2.762	1,60%
<b>Tổng (**)</b>	<b>70.387</b>	<b>100%</b>	<b>76.035</b>	<b>100%</b>	<b>10.914</b>	<b>100%</b>	<b>172.511</b>	<b>100%</b>

Ghi chú: (\*\*) Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh





### Một số chỉ số phản ánh hoạt động của HÀ TIÊN 2 qua các năm

Chỉ tiêu tài chính	Năm 2007	Năm 2008*
Tăng trưởng doanh thu (y-o-y %)	4,6%	26,7%
Lợi nhuận gộp biên (%)	14%	22%
EBITDA biên (%)	15%	20%
EBIT biên (%)	7%	13%
Lợi nhuận thuần biên (%)	5%	9%
ROA (%)	3%	5,6%
ROE (%)	6%	11,6%
ROIC (%)	6%	10%
Nợ/Vốn CSH (%)	48%	74%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	3,7	2,7
Hệ số thanh toán nhanh	1,1	0,6
EPS (đồng)	/	1.254**

\* Năm 2008 được tính bao gồm tháng 01 năm 2008 khi chưa cổ phần hóa.

\*\* Tính 11 tháng.

### Kết quả thực hiện của một số Công ty cùng ngành năm 2008

Nội dung	Xi măng Bút Sơn (BTS)	Xi măng Bim Sơn (BCC)	Xi măng Hà Tiên 1 (HT1)	Xi măng Sài Sơn (SCJ)	Xi măng Quảng Ninh (QNC)
Lợi nhuận gộp biên (%)	30,6%	22,1%	10,0%	21,0%	25,9%
Lợi nhuận thuần biên (%)	8,2%	10,3%	2,3%	16,2%	10,1%
ROA (%)	3,9%	6,0%	1,4%	24,2%	5,1%
ROE (%)	8,8%	16,2%	4,8%	31,6%	27,5%
EPS (đồng)	1.159,7	2.334,5	891,9	14.171,6	4.410,6
Nợ phải trả / VCSH	130,3%	209,6%	391,1%	25,2%	445,7%

Hiệu quả hoạt động của HÀ TIÊN 2 thể hiện qua các chỉ số tài chính có sự tăng lên đáng kể trong thời gian qua. Đáng chú ý nhất là tỷ số EBITDA biên, tăng từ 9% trong năm 2006 lên

15% trong năm 2007, Việc tăng lên này chủ yếu là tăng từ chi phí khấu hao tăng hơn 320% so với năm 2006, qua năm 2008 mức tăng EBITDA biên là 20% chủ yếu tăng từ lợi nhuận gộp biên từ 14% lên 22% do hiệu quả từ việc giảm chi phí giá vốn hàng bán, tỷ lệ khấu hao không tăng nhiều so với năm 2007.

Năm 2008 có thể nói là một năm hoạt động hiệu quả của Hà Tiên 2 so với những năm trước với tỷ suất thu nhập trên tổng tài sản ROA tăng từ 3% trong năm 2007 lên 5,6% trong năm 2008. Lợi nhuận thuần biên tăng 200% so với năm 2007, đạt 9% đứng ở mức cao trong ngành.

Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 48% trong năm 2007 lên 74% trong năm 2008 cho thấy Công ty đã tận dụng nguồn vốn bên ngoài để hoạt động, thông qua chỉ số ROIC về khả năng sinh lợi trên vốn đầu tư từ 6% năm 2007 lên 18% năm 2008 ta thấy nguồn vốn sử dụng đúng hướng đã mang lại hiệu quả cho Công ty.

Tính 11 tháng năm 2008 (không bao gồm tháng 01 năm 2008 khi HT2 chưa cổ phần hóa) thu nhập trên mỗi cổ phần EPS đạt 1.254 đồng, trong đó thu nhập trong tháng 1 năm 2008 khi Công ty chưa cổ phần hóa chỉ chiếm gần 6% trong tổng thu nhập năm 2008.

## **Những thay đổi về vốn cổ đông**

### **a. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành**

Hà Tiên 2 được niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 26/03/2009 với mã chứng khoán HT2. Hiện tại, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 88.000.000 cổ phiếu. Từ khi chuyển sang cổ phần hóa vào ngày 31 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

### **b. Cổ tức chia cho các thành viên góp vốn.**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty được Đại hội cổ đông thông qua ngày 21 tháng 01 năm 2008, chính sách phân phối cổ tức của Công ty thực hiện theo quy định như :

- ✓ Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- ✓ Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- ✓ Trong năm 2008 Hà Tiên 2 đã tạm ứng chi trả cổ tức cho cổ đông là: 6% vốn điều lệ.
- ✓ Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

## **2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

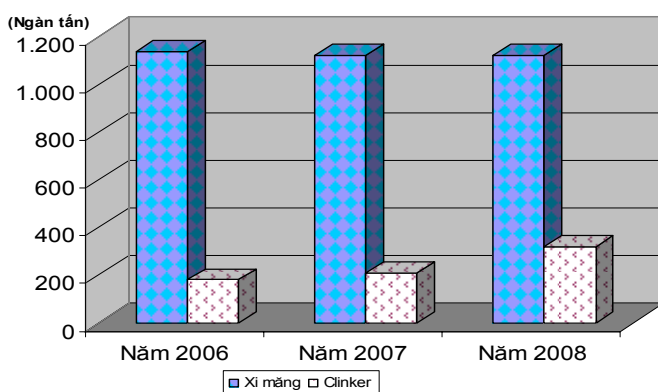
Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô trong nước nói riêng và toàn thế giới nói chung diễn biến phức tạp từ trạng thái phát triển quá nóng, lạm phát tăng cao chuyển sang khủng hoảng tài

chính và suy sụp kinh tế toàn cầu, Công ty CP xi măng Hà Tiên 2 đã gặp phải những khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2008.

Nhu cầu tiêu thụ xi măng của thị trường khu vực ĐBSCL giảm gần 6,7% so với năm 2007 trong khi hàng chục nhãn hiệu xi măng mới đang tìm cách xâm nhập thị trường khu vực với giá bán và chính sách khuyến mãi hấp dẫn. Giá cả đầu vào tăng mạnh, cuối năm có giảm nhưng vẫn ở mức cao. Bên cạnh đó Công ty cũng có một số thuận lợi như: Công ty phát huy mối quan hệ truyền thống với khách hàng, uy tín thương hiệu xi măng Hà Tiên 2 được phát huy; Công ty chủ động được các nguồn nguyên liệu chính trong quá trình sản xuất; Tập thể CB-CNV giàu kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh.

Công ty chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần đã tăng quyền chủ động điều hành cho Ban lãnh đạo Công ty. Ban Giám đốc đã chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh, củng cố bộ máy quản lý, thực hiện tốt công tác sửa chữa; đổi mới công tác tiêu thụ sản phẩm; triển khai công tác mua sắm, dự trữ vật tư hợp lý hạn chế tác động xấu của biến động giá.

BIỂU ĐỒ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ QUA CÁC NĂM



Chỉ tiêu	KH năm 2008	Thực hiện 11 tháng năm 2008	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2007	% so với	
					KH năm	Năm 2007
<b>Sản xuất clinker</b>	<b>1.180.000</b>	<b>1.080.776</b>	<b>1.182.669</b>	<b>1.050.212</b>	<b>100</b>	<b>112</b>
<b>Sản xuất XM bột</b>	<b>1.120.000</b>		<b>1.119.065</b>	<b>1.119.483</b>	<b>99,92</b>	<b>99,96</b>
Tự nghiền tại Công ty	970.000		972.921	968.700	100,3	100
Gia công	150.000		146.144	150.783	97,43	96,92
<b>Sản xuất XM bao</b>	<b>1.120.000</b>	<b>1.026.194</b>	<b>1.121.837</b>	<b>1.118.330</b>	<b>100,2</b>	<b>100</b>
Tại Công ty (KL)	1.030.000		1.027.812	977.297	99,79	105
Tại TN Long An	0		947	0	/	/
Tại đơn vị gia công	90.000		93.078	141.033	103,4	66
<b>Tiêu thụ clinker</b>	<b>320.000</b>	<b>292.557</b>	<b>319.937</b>	<b>209.480</b>	<b>99,98</b>	<b>152,73</b>
<b>Tiêu thụ XM bao</b>	<b>1.120.000</b>	<b>1.028.269</b>	<b>1.121.837</b>	<b>1.121.717</b>	<b>100,2</b>	<b>100,01</b>
<b>Tổng SP tiêu thụ</b>	<b>1.440.000</b>	<b>1.320.826</b>	<b>1.441.774</b>	<b>1.331.197</b>	<b>100,1</b>	<b>108,31</b>

Tổng sản lượng tiêu thụ trong năm 2008 đạt hơn 100% so với kế hoạch đề ra, tăng hơn 8% năm 2007. Nhu cầu clinker tăng cao trong năm 2008 từ các trạm nghiền bên ngoài làm sản lượng tiêu thụ clinker tăng 52,7% so với năm 2007.

## Tình hình đầu tư vào các dự án mới

### **✚ Dự án xi măng Hà Tiên 2.2**

**Địa điểm đầu tư:** Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**Quy mô và mục tiêu đầu tư:** Đầu tư mở rộng thêm 01 dây chuyền sản xuất mới với công suất 1.260.000 tấn clinker/năm và 01 dây chuyền nghiền xi măng công suất 600.000 tấn/năm.

**Hình thức đầu tư:** Đầu tư thêm một dây chuyền sản xuất mới.

**Tổng vốn đầu tư theo báo cáo khả thi:** 3.040 tỷ đồng. trong đó:

+ Thiết bị :	1.278,85 tỷ đồng
+ Xây dựng :	699,86 tỷ đồng
+ Lắp đặt :	71,03 tỷ đồng
- Chi phí khác:	990,26 tỷ đồng

**Thời gian triển khai:** Dự án đang được triển khai thực hiện và dự kiến đưa dây chuyền hoạt động vào đầu năm 2011.

### **✚ Dự án trạm dự án Trạm nghiền Long An**

**Địa điểm đầu tư:** Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

**Quy mô và mục tiêu đầu tư:** Trạm nghiền có công suất 500.000 tấn xi măng/năm. Nhằm phát triển thị phần xi măng Hà Tiên 2 tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Đông Nam bộ.

**Hình thức đầu tư:** đầu tư mới.

**Tổng vốn đầu tư theo báo cáo khả thi:** 531,4 tỷ đồng, trong đó:

+ Thiết bị cơ điện:	229,6 tỷ đồng
+ Xây lắp:	163 tỷ đồng
- Chi phí khác:	79,4 tỷ đồng
- Dự phòng phí, vốn lưu động và lãi vay trong thời gian xây dựng dự kiến:	59,4 tỷ đồng

**Thời gian triển khai:** Dự án đang trong quá trình triển khai và dự kiến vận hành đồng bộ chậm nhất vào quý 2/2009.

## **Bảng tổng hợp giá trị thực hiện các dự án đầu tư xây dựng**

Đvt: Triệu đồng

TT	Tên dự án công trình	Tổng mức	KH năm 2008	Thực hiện 2008	Tỷ lệ k/c đến hết 2008	% so KH 2008	Thanh toán	
							Năm 2008	Tỷ lệ k/c đến hết 2008
<b>Tổng các dự án</b>		<b>4.041.135</b>	<b>520.630</b>	<b>305.689</b>	<b>1.014.417</b>	<b>58.71</b>	<b>344.207</b>	<b>968.135</b>
<b>A</b>	<b>Dự án nhóm A</b>	<b>3.040.220</b>	<b>174.662</b>	<b>78.380</b>	<b>225.085</b>	<b>44,87</b>	<b>101.462</b>	<b>236.596</b>
1	Dây chuyền HT 2.2	3.040.220	174.662	78.380	225.085	44,87	101.462	236.596

TT	Tên dự án công trình	Tổng mức	KH năm 2008	Thực hiện 2008	Tỷ lệ k/c đến hết 2008	% so KH 2008	Thanh toán	
							Năm 2008	Tỷ lệ k/c đến hết 2008
<b>B</b>	<b>Dự án nhóm B</b>	<b>949.130</b>	<b>308.827</b>	<b>223.234</b>	<b>785.257</b>	<b>72,28</b>	<b>240.322</b>	<b>729.116</b>
1	Trạm nghiên Long An	531.410	225.600	150.075	418.625	66,82	143.265	376.758
2	Chuyển đổi nhiên liệu đốt	417.720	83.227	73.159	366.632	87,90	97.057	352.358
<b>C</b>	<b>Dự án nhóm C</b>	<b>38.616</b>	<b>37.141</b>	<b>4.075</b>	<b>4.075</b>	<b>10,97</b>	<b>2.423</b>	<b>2.423</b>
<b>D</b>	<b>Dự án ĐTXDCB</b>	<b>13.169</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>

Năm 2008 việc thực hiện tiến độ đầu tư các dự án có phần chậm hơn so với kế hoạch vì một số lý do khách quan và chủ quan như:

- ✓ Các đơn vị tư vấn lập dự án, thiết kế trong nước chưa đáp ứng yêu cầu của Công ty.
- ✓ Năng lực của nhà thầu không đáp ứng như cam kết kể cả về nhân lực quản lý, nhân lực thi công và năng lực về tài chính. Trong nhiều thời điểm thi công dự án Trạm nghiên xi măng Long An các nhà thầu bị thiếu nhân lực và vốn trầm trọng nhà thầu hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn tạm ứng từ Công ty để thực hiện, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.
- ✓ Giá cả trên thị trường nội địa biến động phức tạp, tỷ giá giữa Việt Nam đồng so với các ngoại tệ USD, EUR tăng dẫn đến việc giá chào thầu đều vượt so với dự toán ban đầu, nhiều gói thầu phải điều chỉnh dự toán, mời chào lại giá làm chậm tiến độ dự án.
- ✓ Các quy định Pháp luật trong ĐTXD, đấu thầu,... thường xuyên thay đổi cũng ảnh hưởng đến quá trình tổ chức thực hiện của Công ty.
- ✓ Vị trí địa lý của Công ty xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, việc thu hút thêm nhân lực có năng lực là một khó khăn lớn đối với Công ty.

### **Hoạt động Marketing, xúc tiến thương mại**

#### **\* Hoạt động quảng cáo**

Trong các năm qua, Hà Tiên 2 triển khai các chương trình quảng cáo sản phẩm như:

- ✓ Xây dựng pano quảng cáo ngoài trời, trang bị bảng hiệu cho các cửa hàng.
- ✓ Phát sóng các chương trình quảng cáo trên các đài truyền hình khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, quảng cáo trên các báo trong thời gian ngắn hạn. Do sản lượng sản xuất của Công ty chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường khu vực, nên Công ty chỉ thực hiện các chương trình quảng cáo, khuyến mãi tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và chủ yếu để khuyến khích người tiêu dùng trong các tháng mùa mưa.
- ✓ Thực hiện các chương trình tiếp thị đến các cửa hàng vật liệu xây dựng.
- ✓ Tổ chức hội nghị khách hàng cho các đại lý cấp 2, tổ chức hội nghị cho các nhà phân phối.

#### **\* Hoạt động nghiên cứu thị trường**

- ✓ Nghiên cứu nhu cầu của thị trường:

- + Nghiên cứu tốc độ tăng trưởng nhu cầu của thị trường xi măng.
  - + Nghiên cứu và phân loại từng đối tượng tiêu dùng xi măng.
  - + Nghiên cứu về thị phần, độ phủ của sản phẩm xi măng Hà Tiên 2.
  - + Nghiên cứu sở thích thói quen của người tiêu dùng về từng chủng loại sản phẩm xi măng và các sản phẩm sau xi măng.
- ✓ Nghiên cứu các chính sách kinh doanh của các đối thủ cạnh tranh
  - ✓ Nghiên cứu để phát triển các kênh phân phối sản phẩm

#### \* **Khuyến mại**

Trong thời gian qua, Hà Tiên 2 áp dụng các chính sách khuyến mại tiêu thụ cho các nhà phân phối thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đã cam kết trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty đã áp dụng chính sách khuyến mại bằng xi măng cho tất cả các nhà phân phối nhận hàng tại các điểm xuất bán hàng của Công ty. Chính sách này được áp dụng linh hoạt hàng tháng tùy theo diễn biến của thị trường. Nhà phân phối tiêu thụ mạnh sẽ được hưởng khuyến mại cao. Việc áp dụng các chính sách khuyến mại đã tác động trực tiếp đến việc tăng sản lượng bán ra của Công ty.

Hàng năm, Công ty còn có các chương trình khuyến mãi cho người tiêu dùng bằng các tặng phẩm như: Áo thun, nón, sổ, viết, áo đi mưa, nón bảo hiểm...

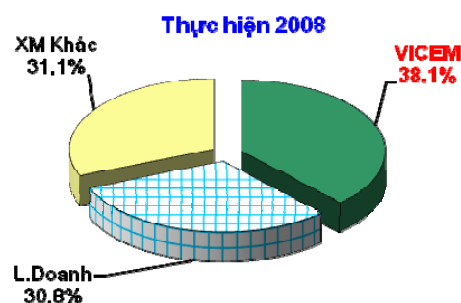
### **3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được**

- ✓ **Về quản lý** : Công ty đã cấu trúc lại tổ chức, củng cố bộ máy và tinh gọn đầu mối quản lý Công ty để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, thành lập 03 chi nhánh: Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ, Trạm nghiền xi măng Long An, Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.
- ✓ **Về công nghệ**: dự án than dầu đi vào hoạt động cung cấp đủ than mịn cho 03 lò nung hoạt động, áp dụng kết quả nghiên cứu sử dụng phụ gia đầy giảm mạnh giá thành.
- ✓ **Về công tác tiêu thụ sản phẩm**: tổ chức lại bộ máy bán hàng, thành lập Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ, củng cố hệ thống các Nhà phân phối.... Trong năm Công ty đã hoàn thiện hệ thống tiêu thụ sản phẩm và mạng lưới các nhà phân phối, phát triển thị trường về miền Đông Nam bộ và Tp Hồ Chí Minh.

#### **🚩 Phát triển thị phần của Công ty.**

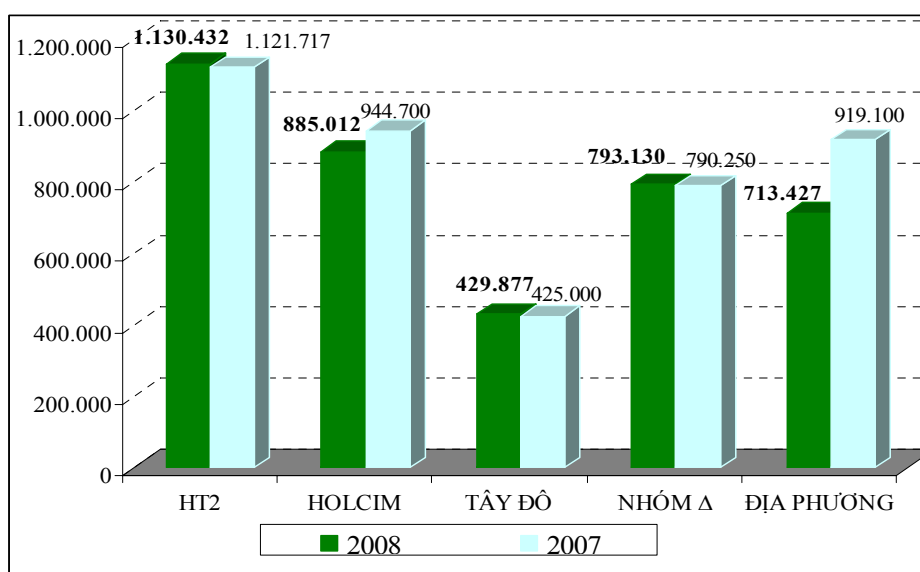
Theo báo cáo tổng kết tình hình hoạt động năm 2008 của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (ViCem), thị phần tiêu thụ xi măng lớn nhất hiện nay thuộc về các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam với gần 40% thị phần cả nước. Hầu hết các doanh nghiệp lớn trong ngành đều thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam như: Hà Tiên 1, Hà Tiên 2, Xi măng Hoàng Thạch, Xi măng Hải Phòng...

Thị phần của các doanh nghiệp liên doanh là khoảng 30%. Thị phần của các doanh nghiệp xi măng nhỏ chỉ chiếm khoảng 31% do đa số các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính hạn chế, khả năng cạnh tranh kém.



Trong đó có thể ước tính riêng thị phần xi măng của Hà Tiên 2 chiếm khoảng 2,87% thị trường xi măng trên toàn quốc.

**Biểu đồ sản lượng tiêu thụ năm 2008 ĐBSCL**

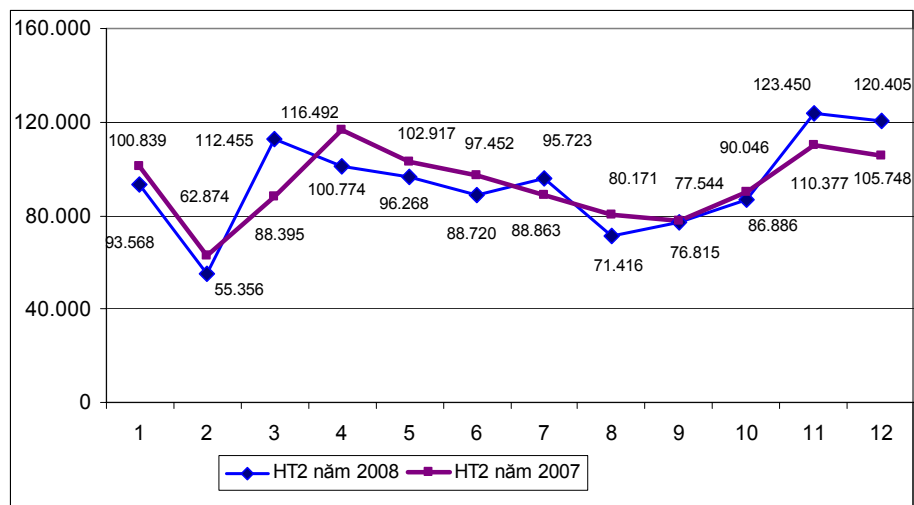


**Thị phần tại Đồng bằng Sông Cửu Long**

Đơn vị	2004	2005	2006	2007	2008
Hà Tiên 2	31%	32%	30%	27%	29%
Holcim	19%	21%	19%	22%	22%
Nghi Sơn	5%	5%	4%	4%	4%
Tây Đô	12%	12%	11%	10%	11%
Địa phương	29%	27%	28%	23%	18%
Xi măng khác	3%	3%	8%	14%	16%
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

Thị phần xi măng Hà Tiên 2 luôn dẫn đầu khu vực, đặc biệt là trong những tháng thấp điểm, thị phần của Công ty trên thị trường tăng mạnh, thị phần bình quân trong năm 2008 đạt 29%, tăng gần 2% so với năm 2007.

**Biểu so sánh lượng xi măng Hà Tiên 2 tiêu thụ năm 2007, 2008 (tấn)**



**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

**Kế hoạch sản lượng sản xuất tiêu thụ trong năm 2009**

Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2009	TH năm 2008	KH 09 so TH08
1	2	3	4	5=3/4
<b>Sản xuất clinker</b>	Tấn	1.200.000	1.182.669	101,5%
<b>Sản xuất XM bột</b>	Tấn	1.600.000	1.119.065	143,0%
Tại Công ty	Tấn	950.000	972.921	97,6%
Tại TN Long An	Tấn	500.000	0	/
Gia công	Tấn	150.000	146.144	102,6%
<b>Sản xuất XM bao</b>	Tấn	1.600.000	1.121.837	142,6%
Tại Công ty (KL)	Tấn	1.100.000	1.027.812	107,0%
Tại TN Long An	Tấn	500.000	947	527.983%
<b>Tiêu thụ XM bao</b>	Tấn	1.600.000	1.121.837	142,6%
<b>Tiêu thụ clinker</b>	Tấn	240.000	319.937	75,0%
<b>Tổng SP tiêu thụ</b>	Tấn	1.840.000	1.441.774	127,6%



## Mục tiêu kinh doanh năm 2009

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009 Giá trị	% tăng giảm so với 2008*
Vốn Điều lệ (tỷ đồng)	880	0,00%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1.982	45,5%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	146	23,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	7,37%	-1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn Điều lệ	16,59%	3,2%

Dựa vào năng lực khai thác, cung cấp sản phẩm của Hà Tiên 2 hiện tại và khả năng cung ứng của trạm nghiền Long An đi vào hoạt động, đặc biệt là dự báo nhu cầu xi măng của thị trường trong năm 2009, Ban Giám đốc đưa ra các chỉ số kế hoạch phấn đấu thực hiện trong năm 2009 tăng so với năm 2008. Trong đó nổi bật là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ đạt 16,6% tăng 3,2% so với năm 2008.

### Các biện pháp thực hiện kế hoạch

#### **Duy trì năng lực phân phối và phát triển thị phần**

Công ty chủ động lên kế hoạch liên hệ và phối hợp tốt với các đơn vị gia công để đảm bảo giao đủ sản lượng cam kết, đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đẩy mạnh công tác đóng bao tại trạm nghiền Long An để gia tăng lượng cung xi măng bao tại địa bàn trọng điểm Long An, Tiền Giang và Tp HCM.

Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ chủ động bám sát thị trường, kịp thời đề xuất các chính sách bán hàng nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, sửa chữa định kỳ các máy nghiền, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dự phòng.

Duy trì vị thế dẫn đầu tại thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long về cung ứng xi măng và sản phẩm sau xi măng.

Phát triển thương hiệu, các kênh phân phối đáp ứng nhu cầu của thị trường Đồng bằng Sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ.

#### **Nâng cao công suất:**

Khẩn trương hoàn thành công tác đầu tư dự án Trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An với công suất 500.000 tấn xi măng/năm. Đưa dự án vào vận hành đồng bộ trong quý 2/2009.

Triển khai đầu tư mới dây chuyền sản xuất HT2.2 với công suất 1.260.000 tấn clinker/năm và nghiền xi măng công suất 600.000 tấn/năm. Phấn đấu đưa dự án vào hoạt động vào đầu năm 2011.

Tăng cường công tác thuê ngoài gia công, nhanh chóng gia tăng sản lượng sản phẩm.

**Giảm giá thành sản phẩm:**

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, vận hành hiệu quả dây chuyền nghiền than, nâng cao tỷ lệ đốt than thay dầu giảm chi phí sản xuất.

**Hoàn thiện và nâng cao năng lực quản lý**

Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống trả lương nhằm khuyến khích người lao động làm việc có năng suất chất lượng hiệu quả.

Đầu tư hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP của hãng ORACLE theo lộ trình 4 năm của toàn Tổng Công ty Công nghiệp XM Việt Nam, Hà Tiên 2 sẽ hoàn thành giai đoạn 1 trong năm 2009. Khi Hệ thống hoàn thành sẽ nâng cấp trình độ quản lý và tin học quản trị của Công ty lên ngang tầm các nước phát triển.

Xây dựng và triển khai Chiến lược Công ty 3 năm (2010-2012) và tầm nhìn 2015.

Song song đó nghiên cứu phát triển các sản phẩm sau xi măng (như bê tông tươi, bê tông cấu kiện đúc sẵn) và các sản phẩm xi măng đặc biệt (như xi măng bền sulfate và xi măng ít tỏa nhiệt) và một số ngành nghề khác Công ty có tiềm năng.

## IV. Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2**

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính	
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008.

#### Công ty

Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Xi măng Hà Tiên 2, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/08/2007 của Tổng công ty xi măng Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2 và Quyết định số 25/QĐ-XMVN ngày 14/01/2008 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008 và số 1700101407 đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất xi măng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống xây dựng khác
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, bằng đường thuỷ nội địa, ven biển
- Buôn bán xi măng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện...
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Kiên Lương - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 - Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2	Lầu 3, số 9 – 19 Hồ Tùng Mậu - quận 1 – TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2 – Trạm nghiền Long An	Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông : Lý Tân Huệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông : Trần Duy Sơn	Thành viên
Ông : Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông : Nguyễn Quyết Chiến	Thành viên
Ông : Lưu Văn Nhựt	Thành viên
Ông : Trịnh Thanh Cần	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông : Trần Duy Sơn	Giám đốc
Ông : Nguyễn Văn Tương	Phó Giám đốc
Ông : Cái Hồng Thu	Phó Giám đốc
Ông : Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 2

Địa chỉ: Thị trấn Kiên Lương – huyện Kiên Lương – tỉnh Kiên Giang

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Ông :	Phạm Đức Trung	Trưởng ban
Ông :	Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Ông :	Hoàng Anh Tuấn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại 31/12/2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Kiên Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2009

TM. Ban Giám đốc  
Giám đốc



Trần Duy Sơn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2008	01/02/2008
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>939.303.323.807</b>	<b>1.017.379.494.436</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>205.413.215.330</b>	<b>316.578.218.430</b>
111	1. Tiền		115.283.311.132	131.242.718.430
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.129.904.198	185.335.500.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>4.220.726.309</b>	<b>4.220.726.309</b>
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>284.593.629.701</b>	<b>320.813.204.746</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		52.263.503.066	13.441.845.987
132	2. Trả trước cho người bán		232.028.457.223	307.018.954.103
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	05	301.669.412	352.404.656
139	6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)		-	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>436.988.279.607</b>	<b>369.945.213.999</b>
141	1. Hàng tồn kho	06	436.988.279.607	369.945.213.999
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.087.472.860</b>	<b>5.822.130.952</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.506.354.825	4.931.176.205
154	3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước		-	10.000
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		581.118.035	890.944.747
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.025.193.133.789</b>	<b>653.925.174.637</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>952.975.973.817</b>	<b>573.378.404.080</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	07	717.669.060.309	381.201.927.706
222	- Nguyên giá		1.846.729.280.907	1.435.253.486.139
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.129.060.220.598)	(1.054.051.558.433)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	651.636.886	78.856.074
228	- Nguyên giá		1.465.206.150	510.330.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(813.569.264)	(431.473.926)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	234.655.276.622	192.097.620.300
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>72.217.159.972</b>	<b>80.546.770.557</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	72.072.924.523	80.407.535.089
268	3. Tài sản dài hạn khác		144.235.449	139.235.468
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.964.496.457.596</b>	<b>1.671.304.669.073</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	01/02/2008
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.016.773.147.936</b>	<b>778.692.959.607</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>380.421.318.339</b>	<b>349.964.957.009</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	69.469.884.000	34.647.214.157
312	2. Phải trả người bán		127.029.020.529	75.505.287.073
313	3. Người mua trả tiền trước		1.137.394.228	2.961.778.247
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	62.067.896.196	16.714.116.228
315	5. Phải trả người lao động		29.856.079.959	27.085.311.922
316	6. Chi phí phải trả	13	13.403.655.584	5.820.286.417
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	77.457.387.843	187.230.962.965
320	10. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>636.351.829.597</b>	<b>428.728.002.598</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	636.043.043.391	428.728.002.598
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		308.786.206	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>947.723.309.660</b>	<b>892.611.709.466</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>939.389.240.105</b>	<b>880.000.000.000</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		880.000.000.000	880.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.844.957.699	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu ngân quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.544.282.406	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>8.334.069.555</b>	<b>12.611.709.466</b>
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.334.069.555	12.611.709.466
432	2. Nguồn kinh phí		-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>501</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.964.496.457.596</b>	<b>1.671.304.669.073</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2008	01/02/2008
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		219.694.425	236.247.375
003	3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		190.991.779	190.991.779
005	5. Ngoại tệ các loại			
	- USD		3.495,06	4.778,25
	- AUD		2.341,91	-
	- EUR		1.738,19	-
006	6. Dự toán chi hoạt động		-	-

Người lập biểu

Trần Thị Trúc Mai

Trưởng Phòng kế toán

Nguyễn Quyết Chiến

Kiên Giang, ngày 29 tháng 02 năm 2009

Giám đốc



Trần Duy Sơn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	1.258.896.962.267
02	2. Các khoản giảm trừ		-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.258.896.962.267
11	4. Giá vốn hàng bán	18	980.666.322.152
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		278.230.640.115
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	16.782.771.078
22	7. Chi phí tài chính	20	31.761.161.640
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.533.618.174
24	8. Chi phí bán hàng		30.802.621.747
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		72.669.606.931
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		159.780.020.875
31	11. Thu nhập khác		2.734.746.658
32	12. Chi phí khác		41.879.712
40	13. Lợi nhuận khác		2.692.866.946
60	14. Tổng lợi nhuận kế toán		162.472.887.821
61	15. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	21	52.128.605.415
70	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		110.344.282.406
71	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	1.254

Người lập biểu

Trần Thị Trúc Mai

Trưởng Phòng kế toán

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Nguyễn Quyết Chiến

Giám đốc



Trần Duy Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

Mã số	CHỈ TIÊU	
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	
	1. Lợi nhuận trước thuế	162.472.887.821
	2. Điều chỉnh cho các khoản	
02	- Khấu hao TSCĐ	79.395.454.980
03	- Các khoản dự phòng	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	25.227.735.316
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(16.308.302.179)
06	- Chi phí lãi vay	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thay đổi vốn lưu động	(122.573.925.754)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	977.395.451
10	- Tăng giảm hàng tồn kho	(67.043.065.608)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải)	(29.594.452.397)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	8.334.610.566
13	- Tiền lãi vay đã trả	(10.397.579.464)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(26.558.179.189)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.984.985.298
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.277.640.411)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>128.213.850.184</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(409.904.508.968)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(5.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	16.308.302.179
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(393.601.206.789)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	
31	1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	207.315.040.793
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(34.822.669.843)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(18.275.029.400)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>154.217.341.550</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(111.170.015.055)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	316.578.218.430
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5.011.955
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>205.413.215.330</b>

Người lập biểu



Trần Thị Trúc Mai

Trưởng Phòng kế toán



Nguyễn Quyết Chiến

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2009

Giám đốc



Trần Duy Sơn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Xi măng Hà Tiên 2, Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 1405/QĐ-XMVN ngày 15/08/2007 của Tổng công ty xi măng Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2 và Quyết định số 25/QĐ-XMVN ngày 14/01/2008 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty xi măng Hà Tiên 2.

Trụ sở chính của Công ty tại thị trấn Kiên Lương - huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2- Xi nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	Buôn bán Xi măng, vật liệu, máy móc thiết bị, vận tải hàng hoá
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2	Lầu 3, số 9 – 19 Hồ Tùng Mậu - quận 1 – TP Hồ Chí Minh	Buôn bán Xi măng, vật liệu, máy móc thiết bị, vận tải hàng hoá
Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 2- Trạm nghiền Long An	Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	
Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2	Quốc lộ 80, ấp Lò Bom, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất xi măng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống xây dựng khác
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ, bằng đường thủy nội địa, ven biển
- Buôn bán xi măng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện...
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Văn phòng Công ty (bộ phận sản xuất kinh doanh) và các đơn vị trực thuộc là Ban quản lý Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 thực hiện hạch toán kế toán lập báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Ban quản lý dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 được lập phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư theo Quyết định số 214/2000/QĐ-BTC ngày 28/12/2000 của Bộ Tài chính.

Bảng cân đối kế toán của Công ty được lập trên cơ sở cộng các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán của bộ phận sản xuất kinh doanh, Ban quản lý Dự án Trạm nghiên cứu Xi măng Hà Tiên 2 - Long An và Ban quản lý Dự án Xi măng Hà Tiên 2 sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả nội bộ và các giao dịch liên quan đến tài sản, nguồn vốn điều chuyển nội bộ trong Công ty.

### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Do Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ ngày 01/02/2008, nên Báo cáo tài chính năm 2008 được lập từ ngày 01/02/2008 đến ngày 31/12/2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Hai ban quản lý Dự án áp dụng chế độ kế toán cho đơn vị chủ đầu tư theo Quyết định số 214/2000/QĐ-BTC ngày 28/12/2000 của Bộ Tài chính.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

### Nguyên tắc xác định các khoản tiền, tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm ( hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty bao gồm: Đất sét, đá dăm, bùn xi măng, bột sòng, clinker và xi măng bột. Số lượng sản phẩm dở dang được xác định theo số lượng kiểm kê cuối năm, giá trị dở dang được xác định căn cứ vào số lượng được kiểm kê nhân với giá tồn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá thành sản phẩm xi măng bao được xác định theo phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá bán thành phẩm.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được xác định theo phương pháp đường thẳng theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một số tài sản được điều chỉnh khấu hao theo công văn số 1759/BTC-TCĐN ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Cục trưởng Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 năm
- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị văn phòng	3 năm

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

#### Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính:*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí tài được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán
- Chi phí tài chính khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**3 . TIỀN**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	210.494.118	210.866.105
Tiền gửi ngân hàng	115.072.817.014	131.031.852.325
- Tiền gửi VND	114.982.383.518	131.014.477.501
- Tiền gửi Ngoại tệ	90.433.496	17.374.824
Các khoản tương đương tiền	90.129.904.198	185.335.500.000
	<b>205.413.215.330</b>	<b>316.578.218.430</b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	4.220.726.309	4.220.726.309
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-
	<b>4.220.726.309</b>	<b>4.220.726.309</b>

*Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm: Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và cuối mỗi kỳ Công ty thoả thuận với Ngân hàng V/v gia hạn gửi tiếp theo kỳ hạn này*

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	-	45.000.000
Phải thu khác	301.669.412	307.404.656
	<b>301.669.412</b>	<b>352.404.656</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	38.181.812.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	369.415.290.764	351.861.848.770
Công cụ, dụng cụ	460.019.657	805.706.482
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.931.157.186	15.786.735.953
Thành phẩm	-	1.490.922.794
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>436.988.279.607</b>	<b>369.945.213.999</b>



**7. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
<b>I Nguyên giá TSCĐ</b>						
1 Số dư đầu kỳ	458.856.332.964	898.521.803.470	66.107.468.319	10.958.470.589	809.410.797	1.435.253.486.139
2 Số tăng trong kỳ	21.570.417.877	385.571.679.311	5.371.427.916	2.966.967.141	-	415.480.492.245
- Mua sắm mới	297.813.636	5.290.232.658	5.371.427.916	2.966.967.141	-	13.926.441.351
- Xây dựng mới	21.272.604.241	380.281.446.653	-	-	-	401.554.050.894
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3 Số giảm trong kỳ	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Thanh lý	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Giám đo điều chuyển	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	477.520.680.623	1.283.592.239.926	71.478.896.235	13.328.053.326	809.410.797	1.846.729.280.907
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1 Số đầu kỳ	301.375.387.085	701.086.567.751	44.111.144.307	6.701.555.286	776.904.004	1.054.051.558.433
2 Khấu hao trong kỳ	18.998.314.383	51.956.799.682	6.116.161.613	1.909.577.171	32.506.793	79.013.359.642
3 Giảm trong kỳ	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Thanh lý	2.906.070.218	501.242.855	-	597.384.404	-	4.004.697.477
- Giám khác	-	-	-	-	-	-
4 Số cuối kỳ	317.467.631.250	752.542.124.578	50.227.305.920	8.013.748.053	809.410.797	1.129.060.220.598
<b>III Giá trị còn lại</b>						
1 Tại ngày đầu kỳ	157.480.945.879	197.435.235.719	21.996.324.012	4.256.915.303	32.506.793	381.201.927.706
2 Tại ngày cuối kỳ	160.053.049.373	531.050.115.348	21.251.590.315	5.314.305.273	-	717.669.060.309

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng

7.584.215.371

Tại thời điểm 1/10/2008 Công ty tăng nguyên giá TSCĐ là dự án "Chuyển đổi nhiên liệu đốt từ dầu sang than" với giá trị tạm tính là: 380.281.446.653 VND, đây là tài sản dùng để đảm bảo khoản vay vốn thực hiện dự án; tuy nhiên do là giá trị tạm tính nên Công ty tạm phân loại tài sản này vào phần máy móc thiết bị. Do đó giá trị và khung khấu hao của các chi tiết TSCĐ hữu hình cùng với việc phân loại tài sản sẽ bị thay đổi khi có quyết định phê duyệt tổng giá trị của dự án cũng như chi tiết các hạng mục của dự án.

**8. TĂNG, GIẢM TSCĐ VÔ HÌNH**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND				
	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	380.476.000	-	-	129.854.000	510.330.000
Số tăng trong kỳ	954.876.150	-	-	-	954.876.150
- Mua sắm trong kỳ	954.876.150	-	-	-	954.876.150
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.335.352.150	-	-	129.854.000	1.465.206.150
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	380.476.000	-	-	50.997.926	431.473.926
Khấu hao trong kỳ	344.381.563	-	-	37.713.775	382.095.338
- Khấu hao trong kỳ	344.381.563	-	-	37.713.775	382.095.338
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Giám khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	724.857.563	-	-	88.711.701	813.569.264
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	78.856.074	78.856.074
Tại ngày cuối kỳ	610.494.587	-	-	41.142.299	651.636.886

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2008 VND	01/02/2008 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	-
Xây dựng cơ bản	234.598.281.468	189.508.546.434
- Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ Dầu sang than	-	79.602.561.218
- Dự án kiến thiết mô sét	-	18.679.350.385
- Dự án xây lắp hệ thống lọc bụi túi	-	522.356.674
- Dự án nhà văn phòng và lưu trữ hồ sơ	-	1.654.504.247
- Dự án Hà Tiên 2.2	57.559.669.021	14.285.242.212
- Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 -Long An	170.899.539.581	74.583.585.727
- Các công trình khác tại VP	6.139.072.866	180.945.971
Sửa chữa lớn tài sản cố định	56.995.154	2.589.073.866
	<b>234.655.276.622</b>	<b>192.097.620.300</b>

**Thông tin về các dự án lớn đang dở dang cuối kỳ**

**- Dự án Hà Tiên 2.2**

+ Tổng dự toán được duyệt: 3.040.220.000.000 VND

Trong đó: - Chi phí xây dựng là: 699.860.000.000 VND

- Chi phí thiết bị, lắp đặt: 1.349.880.000.000 VND

- Chi phí QLDA và chi phí khác: 333.770.000.000 VND

- Vốn lưu động, dự phòng phí: 261.960.000.000 VND

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2.

+ Địa điểm: Thị trấn Kiên Lương - Kiên Lương - Kiên Giang.

+ Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ

+ Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền sản xuất Clinker với công suất 1.260.000 tấn/năm, nghiền và đóng bao xi măng với công suất 600.000 tấn/năm.

+ Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất xi măng bằng lò quay theo phương pháp khô.

+ Cơ cấu vốn: 13% vốn tự có, 87% vốn vay.

+Tiến độ thực hiện: 42 tháng.

**- Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 -Long An**

+ Tổng dự toán được duyệt: 531.409.938.801 VND

Trong đó: - Chi phí xây dựng là: 191.708.310.206 VND

- Chi phí thiết bị, lắp đặt: 244.275.671.310 VND

- Chi phí QLDA và chi phí khác: 69.339.458.956 VND

- Vốn lưu động, dự phòng phí: 26.086.458.329 VND

+ Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2.

+ Địa điểm: Cụm CN Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

+ Mục tiêu: Đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng Hà Tiên 2 trên thị trường Tây Nam Bộ.

+Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền nghiền xi măng đồng bộ với công suất 500.000 tấn/năm.

+ Công nghệ, kỹ thuật: Công nghệ sản xuất và thiết bị hiện đại, tiên tiến xuất xứ từ EU, G7, Thụy Sĩ.

+ Cơ cấu vốn: 30% vốn tự có, 70% vốn vay.

+Tiến độ thực hiện: 30 tháng.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2008 VND	01/02/2008 VND
Tiền đặt mua bảo	38.605.047	19.661.882
Tiền mua bảo hiểm xe ô tô và xà lan	4.704.000	137.873.207
Lợi thế thương mại	72.000.000.000	80.250.000.000
	<b>72.043.309.047</b>	<b>80.407.535.089</b>

Lợi thế thương mại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2006 là 90.000.000.000 VND được phân bổ cho 10 năm theo phương pháp đường thẳng

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	69.469.884.000	34.647.214.157
	<b>69.469.884.000</b>	<b>34.647.214.157</b>

*Chi tiết Nợ dài hạn đến hạn trả tại 31/12/2008*

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Bên cho vay	Nợ dài hạn đến hạn trả
05240090	21/10/2005	Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	69.469.884.000
			<b>69.469.884.000</b>

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	20.018.546.315	2.954.539.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.871.970.329	13.280.357.423
Thuế thu nhập cá nhân	661.427.219	33.964.313
Thuế tài nguyên	735.722.644	77.531.377
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	119.221.935
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	780.229.689	248.501.640
	<b>62.067.896.196</b>	<b>16.714.116.228</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về quyết toán thuế với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Trích trước chi phí đại tu lò (gạch chịu lửa)	-	1.339.851.910
Trích trước chi phí sửa máy nghiền (bi đập)	-	796.931.387
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	-	3.206.395.088
Trích trước chi phí ký quỹ phục hồi môi trường	138.948.289	138.948.289
Trích trước chi phí khuyến mại xi măng	5.077.561.428	-
Chi phí bốc xếp vờ bao xi măng	142.622.443	-
Chi phí lãi vay dự án than dầu	273.564.152	-
Chi phí đề tài pha đá vôi	7.450.000.000	-
Chi phí phải trả khác	320.959.272	338.159.743
	<b>13.403.655.584</b>	<b>5.820.286.417</b>

Khoản trích trước chi phí đề tài pha đá vôi dựa trên Công văn số 1767/XMVN-KTTK ngày 08/10/1999 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng (nay là Tổng Công ty CN Xi măng Việt Nam) v/v Triển khai xây dựng quy chế thường từ nguồn chi phí sản xuất kinh doanh.

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	-	79.248.555
Bảo hiểm xã hội	-	528.383.162
Kinh phí công đoàn	658.420.054	781.220.889
Phải trả về cổ phần hoá	20.715.000	110.035.101.602
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.778.252.789	75.795.065.977
	<b><u>77.457.387.843</u></b>	<b><u>187.230.962.965</u></b>

Các khoản phải trả, phải nộp khác ở cuối các kỳ kế toán chủ yếu là các khoản vay mượn Clinker của các đơn vị khác để thực hiện gia công nghiền xi măng. Số cuối năm 2008 bao gồm cổ tức tạm ứng đợt 1 phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

**15 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2008	01/02/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	636.043.043.391	428.728.002.598
- Vay ngân hàng	636.043.043.391	428.728.002.598
- Vay các đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn	-	-
	<b><u>636.043.043.391</u></b>	<b><u>428.728.002.598</u></b>

**Chi tiết số dư vay dài hạn ngân hàng tại thời điểm 31/01/2008**

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư Vay dài hạn tại 31/12/2008	Trong đó, đến hạn trả năm 2008
07690095/HĐTD	12/06/2007	NH Công thương VN - CN Kiên Giang	156 tháng	175.400.136.666	-
05240090	21/10/2005	NH Công thương VN - CN Kiên Giang	60 tháng	173.691.687.169	69.469.884.000
01/2006/HĐTD	02/09/2006	NH Phát triển Kiên Giang	144 tháng	4.727.654.153	-
02/2006/NHNT -XMHT2	28/03/2006	NH Ngoại thương VN - CN Kiên Giang	96 tháng	189.987.450.750	-
01/2006/NHNT -XMHT2	28/03/2006	NH Ngoại thương VN - CN Kiên Giang	96 tháng	118.937.826.733	-
Export credit agreement	01/11/2008	NH Calyon - CN TPHCM	120 tháng	42.768.171.920	-
				<b><u>705.512.927.391</u></b>	<b><u>69.469.884.000</u></b>

**Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2**

Thị trấn Kiên Lương - Kiên Lương - Kiên Giang

**Thuyết minh Báo cáo tài chính**  
cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	880.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	
Tăng vốn trong kỳ	-	1.844.957.699	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	110.344.282.406	
Tăng khác	-	-	-	26.010.369.504	-	-	-	-	
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	26.010.369.504	-	-	-	52.800.000.000	
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	
<b>Số dư cuối kỳ</b>	880.000.000.000	1.844.957.699	-	-	-	-	-	57.544.282.406	



**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Vốn góp của Nhà nước	608.749.510.000	69,18	608.749.510.000	69,18
Vốn góp của các đối tượng khác	271.250.490.000	30,82	271.250.490.000	30,82
- Do pháp nhân nắm giữ	186.174.700.000	21,16	171.126.430.000	19,45
- Do thể nhân nắm giữ	85.075.790.000	9,66	100.124.060.000	11,37
<b>Cộng</b>	<b>880.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>880.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Từ 01/02/2008 đến 31/12/2008

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	880.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	880.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (năm 2008)	16.275.029.400

**d) Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	88.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
- Cổ phiếu phổ thông	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	88.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng / Cổ phiếu)	10.000 đồng/cổ phiếu

**e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ Đầu tư phát triển	-
Quỹ Dự phòng tài chính	-
Quỹ khác thuộc vốn CSH	-

**17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Doanh thu bán hàng	1.250.744.386.314
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.152.575.953
	<b>1.258.896.962.267</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Giá vốn bán hàng	978.507.290.537
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.159.031.615
	<b>980.666.322.152</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Lãi tiền gửi	16.610.354.243
Doanh thu tài chính khác	172.416.835
	<b>16.782.771.078</b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Chiết khấu thanh toán	1.999.808.150
Lãi tiền vay	4.533.618.174
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.775.032.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.452.702.945
	<b>31.761.161.640</b>

**21 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	52.128.605.415
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN	-
	<b>52.128.605.415</b>

**22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Lợi nhuận sau thuế	110.344.282.406
Trừ:	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- ...	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	110.344.282.406
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	88.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>1.254</b>

**23 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Từ 01/02/08 đến 31/12/08

	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.928.614.875
Chi phí nhân công	102.499.472.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	79.013.359.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.384.612.331
Chi phí khác bằng tiền	91.312.491.872
	<b>1.084.138.550.830</b>

**24 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Số liệu dư đầu kỳ**

Số dư đầu kỳ được lấy theo biên bản bàn giao từ Công ty Xi măng Hà Tiên 2 sang Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 tại ngày 01/02/2008 khi Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1106/QĐ-XMVN ngày 19/8/2008 của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để bàn giao vốn, tài sản từ Công ty Nhà nước (Công ty Xi măng Hà Tiên 2) sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 tại thời điểm 0 giờ ngày 01/02/2008.

Người lập biểu

Trần Thị Trúc Mai

Trưởng Phòng kế toán

Nguyễn Quyết Chiến

Kiên Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2008

Giám đốc



Trần Duy Sơn

## V. Bản giải trình báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

### 1. Kiểm toán độc lập



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**  
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)  
THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số : 113 /2009/BC.TC-AASC.KT5

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 của  
Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 được lập ngày 20/02/2009 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### *Cơ sở ý kiến*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### *Ý kiến của kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Xi măng Hà Tiên 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn từ 01/02/2008 đến 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán  
Phó Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Chứng chỉ KTV số: D.0063/KTV

**Kiểm toán viên**

**Hoàng Anh Tuấn**  
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV



## **2. Báo cáo của Ban kiểm soát**

Thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ theo điều lệ hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ và tuân thủ các quy chế, điều lệ hoạt động của Công ty, định kỳ tiến hành kiểm tra các Báo cáo tài chính và các hoạt động của Công ty trong năm 2008, với một số nội dung như sau:

### **a. Hoạt động của Hội đồng Quản trị**

Được sự quan tâm, hỗ trợ và định hướng của Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2 đã phát huy tốt vai trò quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT có tâm huyết, đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, ra các quyết định kịp thời trong năm 2008 tạo điều kiện cho Công ty hoạt động đạt hiệu quả trong điều kiện nền kinh tế có nhiều thử thách cả trong nước và trên thế giới.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2008, các quyết định của hội đồng quản trị đều được thực hiện đảm bảo vai trò định hướng chiến lược phát triển lớn mạnh của Công ty, tuân thủ theo Luật định, điều lệ và quy chế của Công ty, luôn đảm bảo tăng lợi ích của các Cổ đông và của công ty.

Cụ thể, kể từ khi đi vào hoạt động chính thức ngày 01/02/2008, Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp để bàn về cơ cấu lại bộ máy quản lý, các phòng ban cho Công ty cổ phần, đồng thời ban hành các quy chế hoạt động của Công ty.

### **b. Hoạt động của Ban Giám đốc**

Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Trong năm 2008, Ban Giám đốc điều hành đã đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, tài chính và lao động của công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà Nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động lớn đặc biệt là giá xăng dầu, giá than,...vv. Ban Giám đốc đã kịp thời tổ chức việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý, đề ra các chủ trương đúng đắn trong việc dự trữ than, dầu qua đó hạn chế được rất lớn áp lực tăng giá của vật tư đầu vào làm giảm giá thành, tạo được sức cạnh tranh của sản phẩm.

Trong năm 2008, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện nhiều dự án đầu tư lớn, mang tính đột phá tạo bước ngoặt đối với sự phát triển bền vững của Công ty:

1. Hoàn tất dự án chuyển đổi nhiên liệu từ dầu sang than.
2. Dự án xi măng Hà Tiên 2.2, công suất thiết kế 1.260.000 tấn clinker và 600.000 tấn/năm.
3. Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 - Long An, công suất thiết kế 500.000 tấn/năm.

### c. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 11 tháng (từ 01/02/2008 đến 31/12/2008):

Trên cơ sở Kế hoạch Nhà nước giao, Tổng Công ty CN XM Việt Nam giao sản lượng thực hiện cho các đơn vị thành viên. Trong đó, Hà Tiên 2 được giao kế hoạch Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm là 1.440.000 tấn. Công ty đặt kế hoạch phấn đấu đạt sản lượng 11 tháng còn lại là 1.498.000 tấn (tính từ thời điểm CPH). Tuy nhiên do Trạm nghiên Long An chưa thể hoàn thành vì ảnh hưởng của biến động giá và khủng hoảng kinh tế năm 2008, Tính chung cả năm Công ty chỉ đạt được 1.441.774 tấn, trong đó 11 tháng (kể từ khi chuyển sang công ty cổ phần) đạt 1.320.916 tấn.

Các chỉ tiêu tài chính đạt được trong 11 tháng năm 2008 (2-12/2008) như sau:

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Ngân sách	Thực hiện	Tăng (giảm)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.359.099	1.258.897	-7,37%
2	Lãi gộp	Triệu đồng	253.631	278.231	9,70%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	90.324	110.344	22,17%

Trong bối cảnh năm 2008 có nhiều khó khăn thách thức, ảnh hưởng bởi lạm phát và khủng hoảng kinh tế cũng như các chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ, giá cả các nguyên vật liệu đầu vào, giá vận chuyển tăng mạnh làm chi phí sản xuất tăng cao trong khi giá bán xi măng không được tăng tương ứng. HĐQT và Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực và chủ động sáng tạo trong công tác điều hành:

Về sản xuất, đã phát huy các máy móc thiết bị chạy đạt và vượt công suất thiết kế, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Về tiêu thụ, đã xây dựng và kiện toàn bộ máy tiêu thụ sản phẩm, hệ thống các Nhà phân phối, củng cố và mở rộng thị trường.

- Lãi gộp tăng so với mục tiêu ngân sách đề ra 9,7% là do quản lý định mức tốt, điều chỉnh tăng giá bán từ Quý 4/2008, chuyển đổi nhiên liệu từ dầu MFO sang than. Đặc biệt, Công ty dự báo chính xác xu hướng tăng giá nhiên liệu than và dầu MFO trong năm 2008 và đã kịp thời dự trữ một trữ lượng lớn than và dầu phục vụ sản xuất. Các yếu tố trên góp phần làm tăng biên độ lãi gộp của sản phẩm.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 22,17% so với kế hoạch ngân sách là do hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là chi phí bán hàng, bất chấp thực tế là lãi suất và tỷ giá đồng Việt Nam so với ngoại tệ tăng cao làm tăng chi phí tài chính của Công ty trong năm 2008.

### d. Tổ chức lại Công ty

Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình từ 01/02/2008 đã sớm ổn định tổ chức đồng thời khẩn trương triển khai các dự án chuyển tiếp từ năm trước chuyển qua.

Sau khi cổ phần hóa Công ty đã quyết liệt thực hiện việc tổ chức lại Công ty theo hướng chuyên môn hóa, phân định rạch ròi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng phòng ban trực thuộc Công ty, cụ thể:

- Thành lập Chi nhánh – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ
- Thành lập Chi nhánh Công ty tại TP.HCM
- Thành lập Chi nhánh – Trạm nghiền Long An
- Thành lập Ban quản lý Dự án Hà Tiên 2.2

#### **e. Quản lý đầu tư**

Trong năm 2008 Công ty triển khai ba dự án lớn:

(a) Dự án xi măng Hà Tiên 2.2:

+ Tổng dự toán được duyệt: 3.040.220.000.000 đồng

+ Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền sản xuất Clinker với công suất 1.260.000 tấn/năm, nghiền và đóng bao với công suất 600.000 tấn/năm

(b) Dự án trạm nghiền xi măng Hà Tiên 2 – Long An:

+ Tổng dự toán được duyệt: 531.409.938.801 đồng

+ Quy mô đầu tư: Xây dựng dây chuyền dây chuyền nghiền và đóng bao xi măng với công suất 500.000 tấn/năm

(c) Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ dầu sang than:

+ Tổng mức đầu tư: 407.447.967.000 đồng

#### ***Đánh giá chung về các dự án:***

- Quy trình đấu thầu minh bạch, công khai.
- Các tiêu chí định mức được xây dựng rõ ràng.
- Toàn bộ việc mua sắm, chọn thầu được thực hiện tập trung tại Văn phòng Công ty, do đó giảm thiểu tối đa lãng phí, tối ưu hóa việc kiểm soát chi phí dự án.
- Đối với các dự án đầu tư hoàn thành đề nghị Công ty khẩn trương lập báo cáo quyết toán đầu tư và thuê kiểm toán độc lập kiểm toán trước khi trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

#### **f. Kiểm tra báo cáo tài chính**

Xét trên nguyên tắc trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/02/2008 đến 31/12/2008, phù hợp với chuẩn mực và các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2008 (kỳ hoạt động từ 01/02/2008 đến 31/12/2008) của Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế toán và Kiểm Toán AASC.

#### **g. Niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. HCM**

Ngày 26 tháng 3 năm 2009, Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 17/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/03/2009.

#### **h. Phân phối lợi nhuận 2008**

Thống nhất với phương án phân phối lợi nhuận của HĐQT báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

### **VI. Các Công ty có liên quan**

1. Công ty nắm quyền kiểm soát tại Hà Tiên 2.

#### **👤 Người đại diện:**

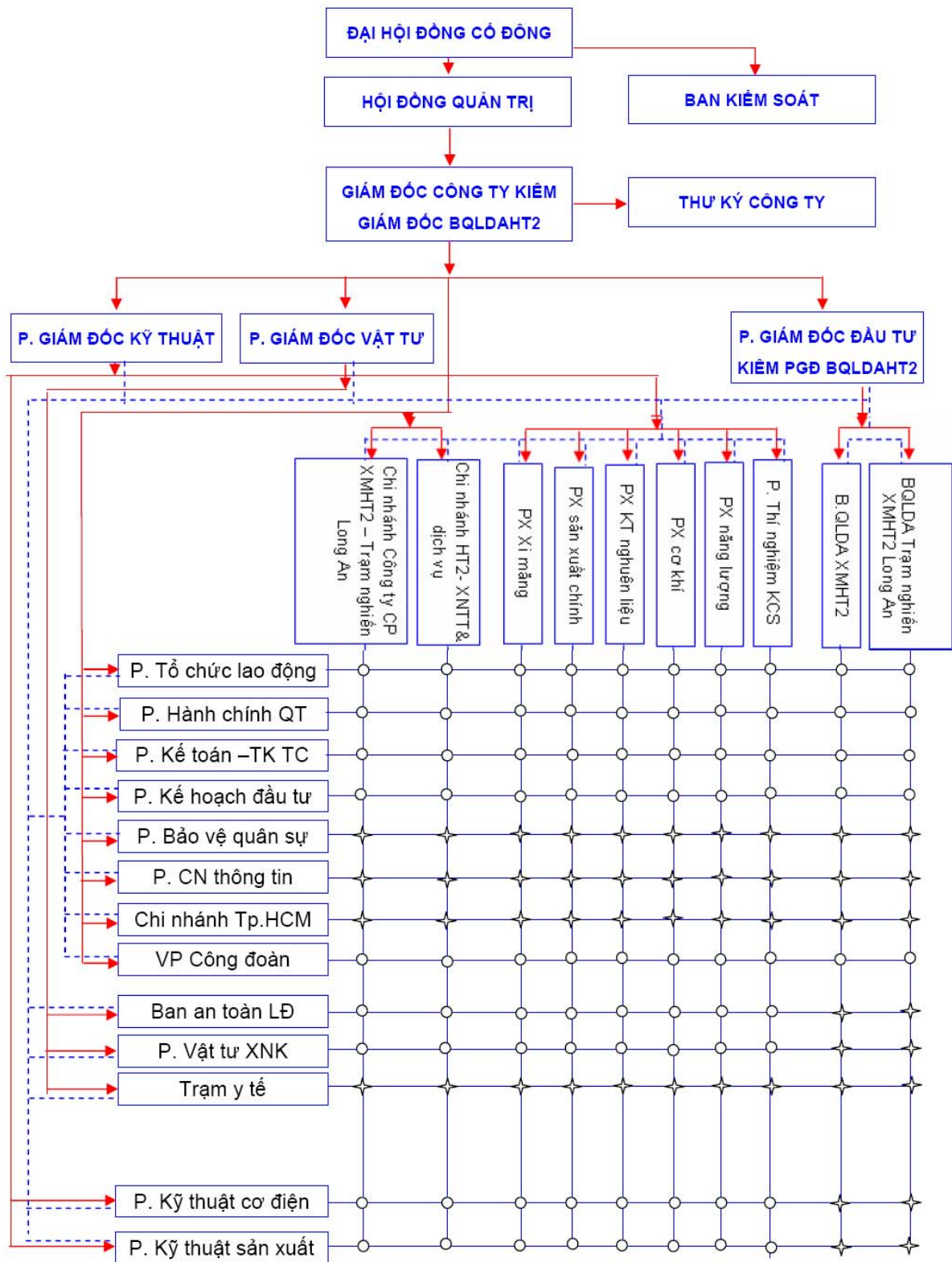
1. Lý Tân Huệ
2. Trần Duy Sơn
3. Cái Hồng Thu
4. Phạm Văn Thông
5. Phạm Đức Trung
6. Nguyễn Quyết Chiến

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>Tỷ Lệ (%)</b>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951	69,18%

2. Danh sách Công ty mà Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Cơ cấu tổ chức



**Ghi chú:**

- Đường chỉ đạo trực tuyến
- Điểm phối hợp nghiệp vụ
- - - - - Đường chỉ đạo gián tuyến
- ✦ Điểm hỗ trợ

## 2. Ban Giám đốc

Giám đốc là người đứng đầu trong Ban Giám đốc, đại diện pháp nhân của công ty, chịu trách nhiệm và điều hành toàn bộ mọi hoạt động của công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật Nhà nước. Giám đốc kiêm chức vụ Giám đốc Ban quản lý dự án Hà Tiên 2. Giám đốc phân công nhiệm vụ và ủy quyền cho các Phó Giám đốc công ty giải quyết một số công việc và trực tiếp quản lý phụ trách một đơn vị hoặc nhiều đơn vị trong công ty.

**a. Ông Trần Duy Sơn** Sinh Năm: 1954

- Chức vụ: Giám đốc
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.

**b. Ông Cái Hồng Thu** Sinh Năm: 1959

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá vô cơ.

**c. Ông Nguyễn Văn Tương** Sinh Năm: 1959

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.

**d. Ông Phạm Văn Thông** Sinh Năm: 1962

- Chức vụ: Phó Giám đốc
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện.

## 3. Bổ nhiệm Ban điều hành trong năm

Trong năm 2008 Công ty không có thay đổi ban điều hành.

## 4. Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, tiền thưởng của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2008 là 1.444.910.560 đồng.

## 5. Số lượng nhân viên và chính sách đối với người lao động

Cơ cấu lao động năm 2007: cán bộ quản lý là 64 người, lao động gián tiếp là 219 người, lao động trực tiếp là 1.097 người. Cơ cấu lao động năm 2008: Cán bộ quản lý là 68 người, lao động gián tiếp 228 người, lao động trực tiếp 1.134 người.

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 là 1.430 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ	Số CB.CNV	Tỷ trọng
Đại học	234	16,36%
Cao đẳng	15	1,05%
Trung cấp	95	6,64%
Sơ cấp	25	1,75%

Công nhân kỹ thuật	825	57,69%
Chưa qua đào tạo	236	16,50%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.430</b>	<b>100%</b>

#### Thu nhập bình quân đầu người qua các năm

Năm	2006	2007	2008
<b>Thu nhập bình quân (VND/người/tháng)</b>	<b>6.000.000</b>	<b>6.050.000</b>	<b>7.000.000</b>

#### ❖ Chính sách đối với người lao động:

##### a. Chế độ làm việc

**Thời giờ làm việc:** Chế độ làm việc của Hà Tiên 2 là 08 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

**Điều kiện làm việc:** Điều kiện làm việc của người lao động được đảm bảo tốt, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định của Công ty.

##### b. Chính sách đào tạo

Hà Tiên 2 thực hiện chính sách đào tạo theo quy hoạch và theo nhu cầu của người lao động để thích ứng với công việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, lao động có đủ kiến thức, đạo đức, kỹ năng tác nghiệp đạt hiệu quả cao nhằm kế thừa, phát triển và chuyển tiếp liên tục giữa các thế hệ để thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển của Công ty.

Ngân sách đào tạo năm 2006 là 833 triệu đồng, năm 2007 là 780 triệu đồng và năm 2008 là 3,3 tỷ đồng, chủ yếu phụ vụ tái cơ cấu và nâng cao trình độ người lao động sau cổ phần hóa.

Đào tạo nguồn nhân lực năm 2007: về nghiệp vụ quản lý là 33 lượt người, nghiệp vụ chuyên môn là 258 lượt người, ngoại ngữ là 01 người. Năm 2008: về NVQL là 82 lượt người, NVCM là 1.874 lượt người, ngoại ngữ là 81 lượt người.

##### c. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động

###### ✚ **Chính sách lương:**

Hà Tiên 2 trả lương theo giá trị công việc, có tính cạnh tranh của thị trường lao động, tiền lương phụ thuộc vào doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Lao động quản lý và lao động có trình độ cao làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả sẽ được trả lương cao tương xứng với giá trị lao động của họ tạo ra.

###### ✚ **Tiền thưởng**

Hàng năm, công ty trích tối thiểu 5% lợi nhuận sau thuế để lập quỹ khen thưởng phúc lợi. Quỹ khen thưởng dùng để thưởng cho những tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp

vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Hà Tiên 2 và thường các danh hiệu thi đua hàng năm, nhằm kích thích người lao động tăng năng suất lao động, phát huy sang kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm mọi chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **🚧 Phúc lợi tập thể**

Dùng để xây dựng các công trình phúc lợi tập thể và trợ cấp khó khăn cho nhân viên nhằm ổn định và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

#### **🚧 Bảo hiểm**

Hà Tiên 2 đảm bảo việc đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Cơ quan BHXH trả cho người lao động của Công ty: năm 2007 là 78.015.800 đồng, năm 2008 là 29.170.900 đồng.

### **6. Thay đổi thành viên HĐQT**

- Trong năm 2008, Ông Ngô Chí Nhân xin từ nhiệm P. Giám đốc Công ty và Ủy viên HĐQT.
- Bổ nhiệm Ông Phạm Văn Thông P. Giám đốc Công ty vào HĐQT.

## **VIII. Thông tin cổ đông và Hội đồng Quản trị**

### **1. Hội đồng Quản trị có 7 thành viên gồm một chủ tịch, sáu thành viên.**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty gồm có bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hiện tại Hội đồng quản trị của Hà Tiên 2 có 6 thành viên, khuyết một thành viên và sẽ được bầu bổ sung tại kỳ Đại hội cổ đông gần nhất. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị hiện tại là từ năm 2008 đến năm 2012. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- a. Ông Lý Tân Huệ** Sinh Năm: 1955
  - Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
  - Trình độ chuyên môn : Ông tốt nghiệp Kỹ sư hóa.
- b. Ông Trần Duy Sơn (VII.2.a)**
  - Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
- c. Ông Cái Hồng Thu (VII.2.b)**
  - Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- d. Ông Nguyễn Quyết Chiến** Sinh Năm: 1972
  - Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
  - Trình độ chuyên môn : Ông tốt nghiệp cử nhân ngành tài chính kế toán.



- e. Ông Lưu Văn Nhựt** Sinh Năm: 1964
- Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
  - Trình độ Văn Hoá : 12/12.
  - Ông đại diện Doanh Nghiệp Tiến Phát.
- f. Ông Trịnh Thanh Cần** Sinh Năm: 1978
- Chức vụ: Thành viên Hội Đồng Quản Trị
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Tài chính (Đại học Tiểu bang california – Mỹ).

## 2. Ban kiểm soát có 3 thành viên gồm một trưởng ban và 2 thành viên.

Thành viên Ban Kiểm Soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát hiện tại là từ năm 2008 đến năm 2012. Ban Kiểm Soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

- a. Ông Phạm Đức Trung** Sinh Năm: 1968
- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán.
- b. Ông Phạm Mạnh Hùng** Sinh Năm: 1974
- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát
  - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Khai thác mỏ.
- c. Ông Hoàng Anh Tuấn** Sinh Năm: 1975
- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát
  - Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

## 3. Kế toán trưởng

**Ông Nguyễn Quyết Chiến (VIII.1.d)**

## 4. Quyền lợi của Hội đồng Quản trị và ban kiểm soát

Nội dung	Số lượng	Thù lao /tháng (đồng)	Thù lao /năm (đồng)	Thưởng /năm (đồng)	Tổng cộng (đồng)
<b>HĐQT</b>	<b>07</b>		<b>319.000.000</b>	<b>215.000.000</b>	<b>534.000.000</b>
Chủ tịch HĐQT	01	5.000.000	55.000.000		
Thành viên HĐQT	06	24.000.000	264.000.000		
<b>Ban KS</b>	<b>03</b>		<b>110.000.000</b>	<b>65.000.000</b>	<b>175.000.000</b>
Trưởng Ban	01	4.000.000	44.000.000		
Thành viên BKS	02	6.000.000	66.000.000		
<b>Tổng cộng</b>					<b>709.000.000</b>

## 5. Dữ liệu thống kê cổ đông

### a. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56-03-000124 đăng ký lần đầu ngày 01/02/2008, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 28/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2 như sau:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần
1	Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951
2	Lý Tân Huệ	Số 37 B, Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, thành phố Hồ Chí Minh	2.650
3	Cái Hồng Thu	Số C1-21 Khu phố 1, P.10, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	12.500
4	Ngô Chí Nhân	Số 23, đường Hoa Đào, P.2, Q. Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	2.600
5	Nguyễn Quyết Chiến	Ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	4.400

### b. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/01/2009 như sau

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước	81.590.693	92,717%
2	Ngoài nước	6.409.307	7,283%
	<b>Tổng</b>	<b>88.000.000</b>	<b>100,000%</b>
1	Cá nhân	8.485.429	9,643%
2	Tổ chức	79.514.571	90,357%
	<b>Tổng</b>	<b>88.000.000</b>	<b>100,000%</b>

**c. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm 15/01/2009**

<b>STT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Số lượng cổ phần</b>	<b>TỈ LỆ (%)</b>
1	<b>Cổ đông Nhà nước (*)</b> (Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam), được đại diện bởi:	Số 228, Lê Duẩn, P. Trung Phụng, Q. Đống Đa, Hà Nội	60.874.951	69,18%
a	Ông Lý Tân Huệ	Số 37 B, Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, thành phố Hồ Chí Minh	25.674.951	29,18%
b	Ông Trần Duy Sơn	34 Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	17.600.000	20,00%
c	Ông Cái Hồng Thu	Số C1-21 Khu phố 1, P.10, Q. Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh	4.400.000	5,00%
d	Ông Phạm Văn Thông	188/5/7B Tô Ngọc Vân – Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	4.400.000	5,00%
e	Ông Nguyễn Quyết Chiến	Ấp Cư Xá, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	4.400.000	5,00%
f	Ông Phạm Đức Trung	27A Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.400.000	5,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>60.874.951</b>	<b>69.18%</b>

(\*) Theo quyết định số 174/QĐ – XNVN ngày 20/02/2008 của HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc điều chỉnh tỷ lệ tham gia quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

Và Quyết định số 884/QĐ-XMVN ngày 02/07/2008 của HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam về việc thay đổi đại diện quản lý phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2.

**d. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Đến thời điểm 15 tháng 01 năm 2008 giao dịch phát sinh của các cổ đông nội bộ như sau:

Tên Cổ Đông	Chức Vụ	Tăng	Giảm	Ngày giao dịch	Số lượng CK sau chuyển nhượng
Cái Hồng Thu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	9.580		21/05/2008	22.080
Trần Duy Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4.790		19/05/2008	4.790
Nguyễn Văn Tương	Phó Giám đốc		10.000	08/09/2008	2.350
Phạm Mạnh Hùng	Thành viên ban kiểm soát	50		24/04/2008	1.150

✚ Số cổ phần nắm giữ của các cổ đông nằm trong hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng đến thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2009

Họ tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần (cp)		Tỷ lệ sở hữu (%)
		Sở hữu	Đại diện sở hữu	
Lý Tân Huệ	Chủ tịch HĐQT	2.650	25.674.951	29,18%
Trần Duy Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4.790	17.600.000	20,00%
Cái Hồng Thu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	22.080	4.400.000	5,03%
Nguyễn Quyết Chiến	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	4.400	4.400.000	5,00%
Lưu Văn Nhựt	Thành viên HĐQT		62.900	0,07%
Trịnh Thanh Cần	Thành viên HĐQT	-	-	0,00%
Nguyễn Văn Tương	Phó Giám đốc	2.350	-	0,002%
Phạm Văn Thông	Phó Giám đốc	2.200	4.400.000	5,00%
Phạm Đức Trung	Trưởng Ban kiểm soát	2.550	4.400.000	5,00%
Phạm Mạnh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	1.150	-	0,001%
Hoàng Anh Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	0,0%

## IX. Các hoạt động khác

- Hoạt động từ thiện của Công ty năm 2008: 249.000.000 đồng.
- Xây nhà tình nghĩa, đại đoàn kết: 94.000.000 đồng.
- Công ty tham gia nhiều hoạt động phong trào, thi đua của Tỉnh và Tổng Công ty như: hiến máu nhân đạo, hội thi Phòng cháy...

## X. Các Chi nhánh

- **Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh.**  
Số 9-19 Hồ Tùng Mậu – Q1- Tp Hồ Chí Minh;  
ĐT: 0838210362 – Fax: 0838293170
- **Chi nhánh XN Tiêu thụ & Dịch vụ**  
Đường Trương Công Định - TT Kiên Lương – H Kiên Lương – T Kiên Giang  
ĐT: 0773765650 – Fax: 0773765644
- **Chi nhánh trạm nghiên XM Long An**  
KCN Long Định – Cần Đước – Long An  
ĐT: 0723634888 – Fax: 0723634887
- **Trạm Giao dịch-Giao nhận Cần Thơ và kho Trà Nóc**  
KCX Trà Nóc – Tp Cần Thơ  
ĐT: 07103842078 – Fax: 07103842077
- **Kho Cao Lãnh**  
TT Mỹ Thọ - H Cao Lãnh – T Đồng Tháp  
ĐT: 0673822244 – Fax: 0673822078
- **Mỏ Laterit Đồng Nai**  
H Vĩnh Cửu – T Đồng Nai

## XI. Mạng lưới các nhà phân phối

TT	TÊN NHÀ PHÂN PHỐI XI MĂNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN	CHỨC VỤ	ĐỊA CHỈ	SỐ ĐIỆN THOẠI	FAX
1	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI THÀNH CÔNG	Ông LƯƠNG XUÂN THẨM	Giám Đốc	26 Tuy Lý Vương, phường 13, quận 8, TP. Hồ Chí Minh	08.39503194	08.39502964
2	CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ (C&T)	Ông PHẠM ANH TUẤN	Tổng Giám đốc	9-19 Hồ Tùng Mậu (lầu 6), quận 1, TP HCM	08.38295604-7312388	837.312.388
3	DNTN MI SA	Bà PHẠM THỊ THANH NGUYỄN	Chủ doanh nghiệp	Số 49B, Nguyễn Đình Chiểu, phường 1, thị xã Tân An, tỉnh Long An	072.3826170	072.3828170
4	DNTN NHƯ NGỌC	Ông LÊ MINH TRI	Chủ doanh nghiệp	Ấp 3, xã Hậu Thạnh Đông, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.	072.3846021	072.3951357
5	DNTN ĐẠI THÀNH	Bà PHAN THỊ BĂNG TÂM	Chủ doanh nghiệp	321, quốc lộ 1, Phường 5, thị xã Tân An, tỉnh Long An	072.3825070 - 3823443	072.3838388
6	CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI SATRA TIỀN GIANG	Ông NGUYỄN MINH THIỆN	Giám đốc	153 Đinh Bộ Lĩnh, Khu phố 6, P9, TP. Mỹ Tho	073.3872271 – 3872274	073.3874434-0733972684
7	CỬA HÀNG VLXD THANH TÂN TIỀN GIANG	Bà HUỖNH THỊ NGỌC MAI	Chủ cửa hàng	Số 179A khu 3, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang	073.3824256 - 073.3823899	073.3924788

8	<b>CÔNG TY XĂNG DẦU TIỀN GIANG</b>	Bà <b>VÕ THỊ THU</b>	P.Giám đốc	Quốc lộ 50, phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	073.3872980-3872981-3851397	073.3874043
9	<b>CỬA HÀNG VLXD TUẤN XÃ</b>	Ông <b>BÙI THỨC XÃ</b>	Chủ cửa hàng	Số 86 Phan Thanh Giản, phường 3 TP.Mỹ Tho tỉnh Tiền Giang	073.3873812 - 3874572	073.3873812
10	<b>DNTN TIẾN PHÁT</b>	Ông <b>LƯU VĂN NHỰT</b>	Chủ doanh nghiệp	Số 71 Phan Thanh Giản, phường 3, TP.Mỹ Tho	073.3872269	073.3872269
11	<b>DNTN ĐỒNG TÂM</b>	Bà <b>NGUYỄN THỊ AN</b>	Chủ doanh nghiệp	Số 243 khu phố 2, phường 10, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	073.3856706	073.3868343
12	<b>CHVLXD TÔ ANH ĐÀO</b>	Bà <b>TÔ ANH ĐÀO</b>	Chủ cửa hàng	Số 7A2 Ấp Bắc, phường 4, TP.Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	073.3955774	073.3868899
13	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD BẾN TRE</b>	Ông <b>NGÔ HỮU TÀI</b>	Giám đốc	207D Nguyễn Đình Chiểu, xã Phú Hưng, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre	075.3822315 - 3822319	075.3822319
14	<b>CTY LƯƠNG THỰC TIỀN GIANG - XN LƯƠNG THỰC BẾN TRE</b>	Ông <b>TRẦN KHÁNH ĐANG</b>	Giám đốc	Số 256 khu phố 2, phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	073.3825974	075.3825980
15	<b>CÔNG TY XĂNG DẦU BẾN TRE</b>	Bà <b>LÊ THỊ THU GIANG</b>	Giám đốc	199B Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 1, phường 8 , thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre	075.3822345	075.3824617
16	<b>DNTN TÂN DÂN</b>	Ông <b>NGUYỄN VĂN DÂN</b>	Chủ doanh nghiệp	Số 158C Phan Đình Phùng, phường Phú Khương, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre	075.3841091	075.3815048
17	<b>CÔNG TY TNHH TM &amp; DV PHƯỚC HÒA</b>	Ông <b>ĐỖ HỮU PHƯỚC</b>	Giám đốc	Khóm Hòa An, phường 2, thị xã Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	067.3861851 - 3863065	067.3867799
18	<b>DNTN BÂY LƯƠNG</b>	Ông <b>PHẠM VĂN LƯƠNG</b>	Chủ Doanh Nghiệp	215, Nguyễn Trãi, khóm Mỹ Thuận, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp	067.3504061-0918365716	067.3821712
19	<b>DNTN HỮU TÂM</b>	Ông <b>NGUYỄN HỮU TÂM</b>	Chủ Doanh Nghiệp	179 Lê Lợi, P2, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp	067.3851724	067.3876679
20	<b>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b>	Ông <b>TRẦN CHÍ TRANH</b>	Phó Giám đốc	Số 14 đường Phó Cơ Điều, phường 8, thị xã Vĩnh Long	070.3822420-825548	070.3825549-822420
21	<b>DNTN THƯƠNG MẠI PHƯỚC VINH</b>	Bà <b>TRANG THỊ KIM MAI</b>	Chủ doanh nghiệp	Số 47B đường 2 tháng 9, phường 1, thị xã Vĩnh Long	070.3823577	070.3895277
22	<b>CÔNG TY XÂY LẬP AN GIANG</b>	Ông <b>PHAN VĂN NHÂN</b>	Giám đốc	316/1A Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, tỉnh An Giang	076.3853226	076.3853226
23	<b>CTY TNHH THƯƠNG MẠI-XÂY DỰNG HOÀNG HƯƠNG</b>	Bà <b>NGUYỄN NGỌC SƯƠNG</b>	Giám đốc	Số 162A Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang,	076.3954044	076.3954044
24	<b>CTY TNHH 195 LONG XUYẾN</b>	Ông <b>TRẦN NGỌC BÚA</b>	Giám đốc	Số 199 Trần Hưng Đạo, Mỹ Bình, Long Xuyên, An Giang	076.3852211	076.3856644
25	<b>CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KIÊN GIANG</b>	Bà <b>TRẦN KIM ĐÌNH</b>	Giám đốc	Số 38 Hoàng Hoa Thám, P.Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Kiên Giang.	0773.3251018	077.3872020

26	<b>CÔNG TY TNHH MỸ HÒA</b>	Bà NGUYỄN THỊ HẠNH	Giám đốc	Ấp Ngã Ba, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương tỉnh Kiên Giang.	0773.3853029	077.3857775
27	<b>CÔNG TY CP TRANG TRÍ</b>	Ông NGUYỄN THANH TRÍ	Giám đốc	Tổ 2, ấp Kiên Sơn, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang	0773.3853035	077.3857857
28	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI MINH HÀ</b>	Ông TRINH ANH KIẾT	Giám đốc	100/38 Trần Văn Khéo, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ	0710.3500224-3500225	0710.3768860-3768861
29	<b>DNTN HẢI TƯỜNG</b>	Ông TRINH VĂN HẢI	Chủ doanh nghiệp	15-11, KV Phú An, P.Phú Thứ, Q.Cái Răng, P. Cần Thơ	0710.32241067	0710.3917988-3660074
30	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ HẬU GIANG</b>	Ông TRẦN THANH LIÊM	Giám đốc	Số 184 đường Trần Hưng Đạo, quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.	0710.3830582 - 832161	0710.3731505-832176
31	<b>CÔNG TY CP THƯƠNG NGHIỆP BẠC LIÊU</b>	Ông HỒ THANH TRÍ	Giám đốc	121 Đường Phan Ngọc Hiến, Phường 3, thị xã Bạc Liêu	0781.3824162	0781.3821879
32	<b>DNTN CHÍ HÙNG</b>	Ông TRẦN CHÍ HÙNG	Chủ doanh nghiệp	Số 108 ấp thị trấn B, TT Hòa Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu	0781.3880336	0781.3880616
33	<b>DNTN MINH HẢI</b>	Ông TRINH ANH KIẾT	Chủ doanh nghiệp	99 Lý Văn Lâm, phường 1, TP.Cà Mau	0780.3831445	0780.3837937 - 821772
34	<b>CÔNG TY TNHH SXTM &amp; DV THANH SƠN</b>	Ông PHẠM THANH HẢI	Giám đốc	219 Quang Trung, khóm 3, phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0780.3830897 - 3831367	0780.3550848
35	<b>CÔNG TY TNHH XD-TM VẠN PHÁT</b>	B HUỖNH THỊ HUỖNH	Giám đốc	Số 130 Đường Bạch Đằng, khóm 1, phường 4, thị xã Trà Vinh	074.3852483-3853316	074.3853886
36	<b>CÔNG TY TNHH XD TM CHÂU HƯNG</b>	Bà NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	Giám đốc	Số 72 Bạch Đằng, khóm 6, phường 4, thị xã Trà Vinh	074.3852542	074.3853542
37	<b>DNTN QUỐC VIỆT</b>	Ông NGUYỄN QUỐC VIỆT	Chủ doanh nghiệp	Số 73 khóm 3, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần – Trà Vinh.	074.3824122	074.3824666
38	<b>CÔNG TY TNHH TÂN PHÁT</b>	Bà NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	Giám đốc	Số 836A đường Lý Thường Kiệt, phường 4, thị xã Sóc Trăng	079.3826838	079.3812867
39	<b>DNTN MỸ CHÂU</b>	Bà TRẦN THỊ MỸ CHÂU	Chủ doanh nghiệp	770 Lý Thường Kiệt, P4, TX Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	079.3812952	079.3622537
40	<b>CÔNG TY TNHH TIẾT CỤI</b>	Ông TIẾT TREO	Giám đốc	Ấp Mỹ Hiệp, xã Tân Tiến, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	0711.3879311 - 3879666	0711.3561123
41	<b>CÔNG TY TNHH AN KHANG</b>	Ông NGUYỄN BÁ LỘC	Giám đốc	E25/2, ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, Tây Ninh	066.3827322	066.3838315
<b>TỔNG SỐ 41 NPP</b>						